VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện

(Tiếp theo Công báo số 727 + 728)

Phụ lục I

CÁC MẪU GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/TT-BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

Mẫu 1h

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam

SHIP STATION LICENCE

Số/No:.....
Cấp lần đầu ngày (Date of first issue):.....
Có giá trị đến hết ngày (Expiry date):.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH(5)
AUTHORIZED OFFICIAL

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Pursuant to the Law on radio frequencies No. 42/2009/QH12 dated November 23, 2009;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số Vô tuyến điện;

Pursuant to the Minister of Information and Communication's Decision No. 1459/QD-BTTTT dated September 1st, 2017, defining the functions, tasks, powers and organizational structure of the Authority of Radio Frequency Management;

Căn cứ Thông tư số.../202.../TT-BTTTT ngày... tháng... năm 202... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

Pursuant to the Minister of Information and Communication's Circular No..../20.../TT-BTTTT dated..., ..., 20..., detailing and guiding procedures for the grant of Radio frequency use licenses; lease or lending of radio equipments or shared use of radio frequencies;

Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của:.....

At the proposal and application of:.....

NAY CHO PHÉP
ALLOWES

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đài tàu biển theo các quy định sau đây:

Article 1. Licensee:

To use radio frequencies and equipments of ship station in accordance with the following provisions

TÊN TÀU BIỂN Name of ship	**NHẬN DẠNG ĐÀI TÀU BIỂN** Identification of the ship station			**CHỦ TÀU BIỂN** Owner of Ship	**MÃ NHẬN DẠNG CƠ QUAN THANH TOÁN VIỄN THÔNG QUỐC TẾ** Accounting Authority Identification Code
	Hô hiệu Call Sign	**MMSI**	**Nhận dạng khác** Other Identification		

LOẠI THIẾT BỊ Equypment Type	**TÊN THIẾT BỊ** Equypment Model	**CÔNG SUẤT (W)** Tx Power (W)	**PHƯƠNG THỨC PHÁT** Class of Emission	**BĂNG TẦN HOẶC TẦN SỐ ẤN ĐỊNH** Frequency Bands or Assigned Frequencies

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức (cá nhân) có trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và Thể lệ vô tuyến điện Quốc tế về sử dụng tần số, thiết bị phát sóng vô tuyến điện. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện trên tàu phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp hoặc công nhận.

Article 2. During the operation, Licensee is responsible for the observance of the provisions of Vietnamese law and Radio Regulations on the use of radio frequencies, equipments. The operator of ship station must have a certificate issued or recognized by the Ministry of Information and Communications.

Điều 3. Các quy định khác:

Article 3. Other conditions:

....., ngày... tháng... năm...
....., day... month... year...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ[6]
AUTHORITY, POSITION OF SIGNATORY
(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)
(signature, full name of authorized official and stamp/digital signature of Agency)

Chú ý: *Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.*

Ghi chú:

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp

[2] Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép

[3] Địa danh

[4] Ký hiệu viết tắt của giấy phép (cấp mới hoặc gia hạn)

[5] Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức

[6] Quyền hạn chức vụ người ký

Mẫu 1i

TÊN CƠ QUAN, TC CHỦ QUẢN[1] **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC[2]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....[4]	*...[3]....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....
THẨM QUYỀN BAN HÀNH[5]

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Thông tư số.../202.../TT-BTTTT ngày... tháng... năm 202... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của.... (tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Thiết bị:

2. Công suất phát:

3. Ăng-ten phát:

Kiểu: Kích thước (m): Độ cao (m):

4. Địa điểm lắp đặt:

5. Tần số ấn định:

Tần số gọi:

Tần số liên lạc:

Mã tone (pulse):

6. Hô hiệu hoặc nhận dạng:

7. Đối tượng liên lạc:

8. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ[6]
(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của cơ quan tổ chức)

Chú ý: *Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 (ba mươi) ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.*

Mẫu 1i

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG TẦN SỐ

1. Tần số gọi:
2. Tần số liên lạc:
3. Tần số thu tin cấp cứu, an toàn cứu nạn:
4. Lưu ý:

Ghi chú:
[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp
[2] Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép
[3] Địa danh
[4] Ký hiệu viết tắt của giấy phép (cấp mới hoặc gia hạn)
[5] Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức
[6] Quyền hạn chức vụ người ký

Mẫu 1l

TÊN CƠ QUAN, TC CHỦ QUẢN[1] **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC[2]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....[4]	*...[3]....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH[5]

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Thông tư số.../202.../TT-BTTTT ngày... tháng... năm 202... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của..... (tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Tổng số thiết bị trong mạng:

4. Thiết bị phát sóng: *(Quy định tại Danh mục)*

5 Tần số ấn định: *(Quy định tại Danh mục)*

6. Mã tone (pulse):

7. Phương thức phát:

8. Số thiết bị sử dụng:

9. Giờ hoạt động:

10. Đối tượng liên lạc:

11. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ[6]

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của cơ quan tổ chức)

Chú ý: *Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 (ba mươi) ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.*

Mẫu 1l

DANH MỤC THIẾT BỊ

Thiết bị đặt cố định:

STT	Thiết bị	Địa điểm đặt	Công suất phát (w)	Ăng-ten phát						Tần số (MHz)		Hô hiệu
				Kiểu	Kích thước (m)	Độ cao (m)	Hệ số khuếch đại (dBi)	Kinh độ	Vĩ độ	Phát	Thu	

Thiết bị di động:

STT	Tên thiết bị	Công suất phát lớn nhất (w)	Hệ số khuếch đại ăng-ten lớn nhất (dBi)	Độ cao ăng-ten lớn nhất (m)	Tần số (MHz)	
					Phát	Thu
Các hô hiệu						

Ghi chú:

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp

[2] Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép

[3] Địa danh

[4] Ký hiệu viết tắt của giấy phép (cấp mới hoặc gia hạn)

[5] Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức

[6] Quyền hạn chức vụ người ký

Mẫu 1m

TÊN CƠ QUAN, TC CHỦ QUẢN[1] **TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC[2]**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....[4]	*...[3]....., ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN
Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH[5]

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Thông tư số.../202.../TT-BTTTT ngày... tháng... năm 202... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của.... (tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện thông tin vệ tinh theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Thiết bị phát sóng:

Loại thiết bị:

Công suất phát: Phương thức phát:

Địa điểm lắp đặt thiết bị:

4. Ăng-ten phát:

Kiểu: Kích thước (m): Độ cao (m):

Hệ số khuếch đại (dBi): Phân cực:

Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°): Góc ngẩng (°):

Vị trí lắp đặt: Kinh độ: E ′ ″ Vĩ độ: N ′ ″

5. Tần số ấn định:

Tần số (băng tần) phát: Tần số (băng tần) thu:

Độ rộng băng tần ấn định phát/thu (MHz): /

6. Hô hiệu (hoặc nhận dạng):

7. Vệ tinh liên lạc: Vị trí quĩ đạo:

8. Các quy định khác:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, cơ quan (tổ chức) có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;

- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số theo quy định./.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ(6)
(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của cơ quan tổ chức)

Chú ý: *Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 30 (ba mươi) ngày, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.*

Ghi chú:

[1] Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp

[2] Tên cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành Giấy phép

[3] Địa danh

[4] Ký hiệu viết tắt của giấy phép (cấp mới hoặc gia hạn)

[5] Ghi chức vụ của người đứng đầu cơ quan, tổ chức

[6] Quyền hạn chức vụ người ký

Mẫu 2

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

Cấp lần đầu ngày.....

Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Thông tư số.../202.../TT-BTTTT ngày... tháng... năm 202... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

Căn cứ quyết định..... của Bộ Thông tin và Truyền thông/Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của.....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Được sử dụng đoạn băng tần theo các quy định sau đây:

1. Mục đích sử dụng:

2. Loại nghiệp vụ:

3. Băng tần hoạt động:

4. Phạm vi phủ sóng:

5. Các mức giới hạn phát xạ:

Điều 2. Tổ chức, doanh nghiệp phải đăng ký danh mục các thiết bị phát sóng vô tuyến điện (theo mẫu quy định) và báo cáo đột xuất, báo cáo định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hàng năm các nội dung thay đổi về tham số kỹ thuật, thiết bị phát sóng vô tuyến điện sử dụng trong mạng thông tin vô tuyến điện cho Cục Tần số vô tuyến điện.

Điều 3. Quy định điều kiện khai thác và các quy định khác./.

CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Chú ý: *Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 60 (sáu mươi) ngày, tổ chức có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.*

Mẫu 3a

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH

Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Thông tư số.../202.../TT-BTTTT ngày... tháng... năm 202... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của.... (tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh theo các quy định sau đây:

1. Tên vệ tinh (tên thương mại):
2. Vị trí quỹ đạo:
3. Vùng phủ sóng/vùng dịch vụ:
4. Băng tần vệ tinh:
5. Số bộ phát đáp:
6. Hồ sơ mạng vệ tinh đăng ký với ITU:
7. Ngày phóng vệ tinh:
8. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh.
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG
(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Chú ý: *Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 60 (sáu mươi) ngày, tổ chức có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.*

Mẫu 3b

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../.....	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH
Cấp lần đầu ngày.....
Có giá trị đến hết ngày.....

CỤC TRƯỞNG CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-BTTTT ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Thông tư số.../202.../TT-BTTTT ngày... tháng... năm 202... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện;

Xét đề nghị và hồ sơ xin cấp phép của.... (tên tổ chức, cá nhân).....

NAY CHO PHÉP

Điều 1. Tổ chức, doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Được sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh theo các quy định sau đây:

1. Tên vệ tinh (tên thương mại):

2. Số mặt phẳng quỹ đạo:

Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Góc nghiêng	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này	Chu kỳ	Điểm Cực viễn (Km)	Điểm Cực cận (Km)

3. Vùng phủ sóng/vùng dịch vụ:

4. Băng tần vệ tinh:

5. Số bộ phát đáp:

6. Hồ sơ mạng vệ tinh đăng ký với ITU:

7. Ngày phóng vệ tinh:

8. Tên tổ chức sở hữu quả vệ tinh:

Điều 2. Trong quá trình hoạt động, tổ chức, doanh nghiệp có trách nhiệm:

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;
- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin;
- Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh.
- Nộp lệ phí giấy phép, phí sử dụng tần số, quỹ đạo vệ tinh theo quy định./.

CỤC TRƯỞNG
(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Chú ý: Trước khi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hết hạn ít nhất là 60 (sáu mươi) ngày, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sử dụng tần số phải gửi hồ sơ đề nghị gia hạn theo quy định.

Phụ lục II

CÁC MẪU BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI BỔ SUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN; MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/TT-BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Mẫu Bản khai đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện

a) Mẫu Bản khai thông tin chung

b) Các mẫu Bản khai thông số kỹ thuật khai thác:

Mẫu	Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác
1a	Đối với các thiết bị thuộc nghiệp vụ cố định (trừ các đài vi ba); các thiết bị thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không như: đài bờ (không liên lạc qua vệ tinh), trạm mặt đất hàng không, đảo đèn... (trừ các đài tàu biển, tàu bay).
1b	Đối với đài nghiệp dư
1c	Đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá
1d	Đối với thiết bị phát thanh, truyền hình
1đ	Đối với thiết bị truyền thanh không dây
1e	Đối với tuyến truyền dẫn vi ba
1g	Đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số thuộc nghiệp vụ di động
1h	Đối với đài tàu (không áp dụng đối với đài vô tuyến điện không thuộc hệ thống GMDSS)
1i	Đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá
1m	Đối với đài trái đất (trừ đài trái đất thuộc hệ thống GMDSS đặt trên tàu biển)

c) Mẫu Bản khai đề nghị gia hạn

2. Mẫu Bản khai đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung giấy phép sử dụng băng tần - Mẫu 2

3. Mẫu Bản khai đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi bổ sung giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh

a) Đối với vệ tinh địa tĩnh - Mẫu 3a

b) Đối với vệ tinh phi địa tĩnh - Mẫu 3b

4. Mẫu Đơn đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện

Số:	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KHAI THÔNG TIN CHUNG
ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI BỔ SUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN/TRUNG TÂM TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN KHU VỰC

1. TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP				
1.1. Căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu (nếu là cá nhân đề nghị cấp giấy phép)	Số		Cấp tại	
	Ngày cấp		Có giá trị đến	
1.2. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (nếu là tổ chức đề nghị cấp giấy phép)	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
1.3. Tài khoản ngân hàng (nếu có)	Số			
	Chủ tài khoản			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý		
1.4. Địa chỉ trụ sở chính/thường trú	Số nhà, đường phố (thôn xóm):		Phường/xã:	
	Quận/huyện:		Tỉnh/thành phố:	
1.5. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm):		Phường/xã:	
	Quận/huyện:		Tỉnh/thành phố:	
1.6. Số điện thoại		1.7. Người kê khai (số điện thoại cố định/di động/email)		
2. TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐỀ NGHỊ	☐ Cấp mới cho..... thiết bị (... tờ của Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1.../1.../1...) ☐ Cấp mới cho..... tuyến vi ba (..... tờ của Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1...) ☐ Cấp mới cho..... mạng thông tin (.... tờ của Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1...) ☐ Cấp mới cho..... tàu (..... tờ của Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1...) ☐ Bổ sung hoặc thay đổi cho... giấy phép (.... tờ của Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1... /1...) ☐ Gia hạn cho..... giấy phép (..... tờ Bản khai gia hạn giấy phép) trong đó có: ☐ Loại giấy phép mẫu 1h, 1b ☐ Loại giấy phép mẫu 1g (phạm vi nội bộ) ☐ Loại giấy phép khác			
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	☐ Có ☐ Không			
4. ĐĂNG KÝ TÀI KHOẢN CẤP PHÉP QUA MẠNG	☐ Có (gửi thông tin tài khoản qua địa chỉ email:.....) ☐ Không			

5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP:.....

CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

5.2. Người trực tiếp khai thác thiết bị vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ vô tuyến điện nghiệp dư phải có chứng chỉ vô tuyến điện viên theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

5.3. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

5.4. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng - ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5.5. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(chữ ký, họ và tên của cá nhân đề nghị cấp phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị cấp phép và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI, SỬA ĐỔI BỔ SUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VTĐ

I/PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Phải kê khai đầy đủ các trường thông tin trong bản khai (trừ các trường thông tin có quy định nếu có hoặc các trường kê khai theo đối tượng).
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Đóng dấu giáp lai đối với hồ sơ, tài liệu có nhiều trang văn bản.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An Phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179; Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545; Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám - TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0292.3832760; Fax: 0292.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sở Dầu- Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3827857/Fax: 0225.3827420

Khu vực 6B Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0238. 3833511; Fax: 0238. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch - xã Vĩnh Thạnh - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567; Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu - TP. Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/0210.3840504; Fax: 0210. 3840504.

II/PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Bản khai thông tin chung Được dùng để kê khai thông tin hành chính khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết họ tên cá nhân hoặc tên của tổ chức đề nghị cấp giấy phép (khuyến nghị ghi bằng chữ in hoa).

Điểm 1.1. Chỉ áp dụng đối với cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số định danh cá nhân, ngày cấp, nơi cấp của Căn cước công dân (hoặc số, ngày cấp, nơi cấp của chứng minh nhân dân/hộ chiếu đối với cá nhân là người Việt Nam đề nghị cấp giấy phép trong trường hợp chưa có căn cước công dân; ghi theo hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.2. Chỉ áp dụng đối với tổ chức đề nghị cấp giấy phép. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc số Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.3. Áp dụng đối với cả tổ chức và cá nhân đề nghị cấp giấy phép. Ghi số tài khoản, chủ tài khoản và ghi tên ngân hàng mở tài khoản. Đánh dấu “X” vào ô “Đồng ý” hoặc “Không đồng ý” nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, địa chỉ thường trú của cá nhân. Ghi địa chỉ liên lạc của cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở của tổ chức. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.6. Ghi số điện thoại của tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai

Điểm 2. Tổng hợp thông tin đề nghị:

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới" khi tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép mới. Ghi số lượng thiết bị/mạng thông tin/tuyến viba/tàu đề nghị cấp giấy phép và số tờ khai của các mẫu Bản khai thông số kỹ thuật khai

thác có trong hồ sơ dành cho cấp mới vào chỗ trống. Kê khai thông tin trong mẫu Bản khai thông số kỹ thuật khai thác tương ứng dành cho từng nghiệp vụ trong trường hợp cấp mới.

- Đánh dấu "X" vào ô "bổ sung hoặc thay đổi" khi giấy phép sử dụng còn thời hạn mà tổ chức, cá nhân có đề nghị thay đổi bất kỳ nội dung nào (trừ thời hạn sử dụng). Ghi số lượng giấy phép và tổng số tờ khai của các mẫu Bản khai thông số kỹ thuật khai thác dành cho sửa đổi, bổ sung vào chỗ trống. Kê khai thông tin trong mẫu Bản khai thông số kỹ thuật khai thác tương ứng dành cho từng nghiệp vụ trong trường hợp sửa đổi, bổ sung.
- Đánh dấu "X" vào ô "gia hạn" khi tổ chức, cá nhân có đề nghị kéo dài thời hạn sử dụng và đánh dấu X vào loại giấy phép đề nghị gia hạn theo từng mẫu (lưu ý đối với mẫu 1h (đài tàu), 1b (nghiệp dư) và 1g có phạm vi hoạt động là phạm vi nội bộ quy định tại giấy phép đã cấp).

Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu “X” vào ô “có” hoặc “không” nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép. Trường hợp không lựa chọn mặc định là trả phí toàn bộ.

Điểm 4. Đăng ký tài khoản sử dụng hệ thống cấp phép qua mạng: nếu tổ chức/cá nhân có nhu cầu sử dụng hệ thống đăng ký cấp phép qua mạng thì đánh dấu “X” vào ô “có” và phải cung cấp địa chỉ email để nhận các thông tin về tài khoản hoặc “không” nếu không có nhu cầu sử dụng hệ thống cấp phép qua mạng. Mặc định nếu không đánh dấu là không có nhu cầu sử dụng hệ thống cấp phép qua mạng.

- Đối với các tổ chức đề nghị cấp phép phải có xác nhận của Thủ trưởng của tổ chức (chữ ký ghi rõ họ và tên, chức vụ, đóng dấu).

- Đối với các cá nhân đề nghị cấp phép phải ký ghi rõ họ và tên. Trường hợp cá nhân đề nghị cấp phép không có chứng minh nhân dân (hoặc mất) phải có xác nhận của UBND phường, xã nơi ở hiện tại.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1a

Cho các thiết bị thuộc nghiệp vụ cố định (trừ các đài vi ba); các thiết bị thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không như: đài bờ (không liên lạc qua vệ tinh), trạm mặt đất hàng không, đảo đèn... (trừ các đài tàu biển, tàu bay).

□ Cấp mới □ Sửa đổi, bổ sung

Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

I. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG (NẾU CÓ)	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	
II. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN				
1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng vô tuyến điện:				

Thiết bị thu / Tham số kỹ thuật	
1.1. Băng tần số	
1.2. Độ nhạy (dBm) (nếu có)	
2. Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng vô tuyến điện:	

Thiết bị phát / Tham số kỹ thuật			
2.1. Tần số phát/thu đề nghị			
2.2. Các mức công suất phát			
2.3. Kiểu điều chế			
2.4. Phương thức phát/thu (nếu có)			
2.5. Dải tần thiết bị	Phát		
	Thu		
2.6. Dải thông (kHz)			
2.7. Tổn hao Fider (dB/m) (nếu có)			
2.8. Địa điểm đặt thiết bị phát/thu sóng VTĐ	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm):	Phường/xã:
		Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:
	Khác		
2.9. Ăng-ten	a. Kiểu		
	b. Kích thước (m)		
	c. Dải tần làm việc		
	d. Phân cực		
	đ. Hướng tính	D □ /ND □	
	e. Góc phương vị của hướng bức xạ chính (nếu sử dụng ăng ten có hướng)		
	f. Hệ số khuếch đại (dBi)		
	g. Kinh độ (º ’ ” E)		
	h. Vĩ độ (º ’ ” N)		
	i. Độ cao so với mặt đất (m)		
2.10. Hô hiệu đề nghị			
2.11. Giờ hoạt động			

2.12. Đối tượng liên lạc (nếu có)	
2.13. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép	
2.14. Mục đích sử dụng	
2.15. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ (nếu có)	
3. Sử dụng mã hóa (khi dùng chung tần số)	
4. Tổng số thiết bị trong mạng (đối với đài bờ hàng hải)	
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG (nếu có)	

Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1a

Sử dụng cho các thiết bị thuộc nghiệp vụ cố định (trừ các đài vi ba); các thiết bị thuộc nghiệp vụ di động hàng hải, di động hàng không như: đài bờ (không liên lạc qua vệ tinh), trạm mặt đất hàng không, đảo đèn... (trừ các đài tàu biển, tàu bay).

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi đề nghị cấp mới. Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a được dùng để kê khai cho 3 loại thiết bị (kê khai tên thiết bị) tương ứng với 3 cột. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều loại thiết bị. Các thiết bị cùng loại, có thông số giống nhau kê khai một lần vào một cột và ghi rõ số lượng thiết bị bên cạnh. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ và tổng số tờ của từng Phụ lục.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung của giấy phép vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a khi bổ sung, sửa đổi. Mỗi giấy phép cần sửa đổi, bổ sung khai vào một cột; ghi rõ số giấy phép, tên thiết bị vào hàng đầu tiên của cột (riêng đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải áp dụng hướng dẫn tại Mục 2.15 dưới đây). Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

- Ghi tên thiết bị đề nghị cấp mới vào hàng thứ nhất của các cột.

I. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông, ngày cấp, Cơ quan cấp và thời hạn sử dụng của giấy phép.

II. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. Tham số kỹ thuật của thiết bị thu sóng VTĐ:

Ghi tên thiết bị thu, ký hiệu (model) của thiết bị tại hàng đầu tiên của các cột.

1.1. Băng tần số: Là băng tần số mà thiết bị làm việc.

1.2. Độ nhạy: Là độ nhạy của thiết bị được tính theo đơn vị dBm.

2. Tham số kỹ thuật và khai thác của thiết bị phát sóng VTĐ:

Kê khai tên thiết bị phát, ký hiệu (model) của thiết bị tại hàng đầu tiên của các cột.

2.1. Kê khai tần số phát theo mong muốn.

2.2. Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

2.3. Kê khai kiểu điều chế của thiết bị như: AM, FM, PSK, FSK,...

2.4. Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

2.5. Kê khai dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

2.6. Kê khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (theo đơn vị kHz) hoặc khai tốc độ truyền của thiết bị đó (theo đơn vị Kb/s).

2.7. Kê khai tổn hao trên 1 mét Fider (dB/m) nhân với chiều dài Fider (m). Mặc định là 0 dB/m nếu không kê khai.

2.8. Địa điểm đặt thiết bị phát sóng VTĐ:

- Đối với thiết bị đặt cố định, khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).
- Đối với thiết bị lưu động, khai đầy đủ lưu động bằng phương tiện cụ thể (ví dụ: ô tô, tàu hỏa,...), lưu động trong phạm vi nào.

2.9. Ăng-ten phát:

a. Kiểu ăng-ten: Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ an ten thuộc loại nào (ví dụ: Loga-chu kỳ, Yagi, Dipol, ăng-ten khe nửa sóng, dàn chấn tử đồng pha, v.v...)

b. Kích thước: Là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

c. Dải tần làm việc: Khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

d. Phân cực: Khai phân cực của an ten như thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...

đ. Hướng tính: Đánh dấu "X" vào các chỗ trống, D tương ứng với có hướng, ND tương ứng với vô hướng.

e. Góc phương vị của hướng bức xạ chính: là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

f. Hệ số khuếch đại: Tính theo đơn vị dBi.

g, h. Kinh độ, vĩ độ: ghi theo độ, phút, giây của thiết bị đặt cố định.

i. Độ cao so với mặt đất: là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất nơi đặt ăng-ten (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

2.10. Hô hiệu đề nghị: là hô hiệu do tổ chức, cá nhân tự đề nghị để thuận tiện trong công việc, hoặc đề nghị theo dãy hô hiệu được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hô hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định (lưu ý: khi hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được cấp phép).

2.11. Giờ hoạt động: Khai giờ hoạt động của thiết bị trong ngày. Ví dụ: từ 5 giờ đến 14 giờ. Nếu khai thác liên tục 24/24, ghi là H24. Nếu hoạt động vào các giờ bất kỳ trong ngày, ghi là Hx.

2.12. Đối tượng liên lạc: ghi rõ hô hiệu của các đài vô tuyến điện có truyền thông tin vô tuyến điện với nhau.

2.13. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời gian sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

2.14. Kê khai rõ sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

2.15. Chỉ áp dụng đối với đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải khi sửa đổi, bổ sung.

- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng và khai đầy đủ các thông số.

- Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: loại thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu là thiết bị thuộc loại mới.
- Ghi hủy bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị loại nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

3. Chỉ áp dụng đối với đài bờ trong trường hợp dùng chung tần số theo quy định. Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.
4. Chỉ áp dụng đối với đài bờ sử dụng tần số thuộc dải VHF dành cho nghiệp vụ di động hàng hải. Ghi tổng số thiết bị trong mạng.
5. Kê khai các thông tin bổ sung (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1b
(Đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư)
☐ Cấp mới ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....
Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN			
1.1. Tên thiết bị/Hãng sản xuất			
1.2. Thông số kỹ thuật (thiết kế/đề nghị sử dụng)	Băng tần hoặc tần số (kHz/MHz)	Phương thức phát/ Dải thông (kHz)	Công suất phát (W)
Các dải tần số của thiết bị			
Các dải tần số đề nghị			
1.3. Địa điểm đặt thiết bị	Số nhà, đường phố (thôn xóm):	Phường/xã:	
	Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:	
2. KHAI THÁC NGHIỆP VỤ VTĐ NGHIỆP DƯ QUA VỆ TINH	☐ Có. Tên vệ tinh:..... Quỹ đạo:..... ☐ Không		
3. HÔ HIỆU ĐỀ NGHỊ			
4. ĐÀI LIÊN LẠC			
5. GIỜ HOẠT ĐỘNG			
6. CHỨNG CHỈ KHAI THÁC VIÊN VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ			
6.1. Loại			
6.2. Ngày cấp		6.3. Ngày hết hiệu lực	
7. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm Khác:.....		
8. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG (nếu có)			
9. ĐỐI VỚI KHAI THÁC VIÊN VÔ TUYẾN ĐIỆN NGHIỆP DƯ LÀ NGƯỜI NƯỚC NGOÀI			
Xác nhận của Câu lạc bộ Vô tuyến điện Nghiệp dư Việt Nam đối với Chứng chỉ khai thác viên vô tuyến điện nghiệp dư nước ngoài theo quy định .... **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)*			

Bản khai thông số kỹ thuật khai thác 1b

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b được dùng để kê khai cho 1 đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ và tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1a.

- Khai báo tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ khai báo thông số sửa đổi, bổ sung trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1b khi đề nghị bổ sửa đổi, bổ sung. Các thông số giữ nguyên không cần khai báo.

1. Không ghi.

1.1. Ghi tên (model) và hãng sản xuất của thiết bị.

1.2. Ghi thông số kỹ thuật vào các cột tương ứng.

- Băng tần/tần số: Kê khai băng tần số hoặc tần số mà thiết bị được chế tạo làm việc; băng tần hoặc tần số mà tổ chức, cá nhân đề nghị.
- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....
- Dải thông: Khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (theo đơn vị kHz)
- Công suất phát: Khai các mức công suất được thiết kế, chế tạo của thiết bị.

1.3. Kê khai đầy đủ số nhà, đường phố, phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

2. Khai thác nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư qua vệ tinh

- Đánh dấu "X" vào ô "Có" nếu giấy phép được dùng để khai thác nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư qua vệ tinh và ghi tên của vệ tinh.
- Đánh dấu "X" vào ô "Không" nếu không khai thác nghiệp vụ VTĐ nghiệp dư qua vệ tinh.

3. Kê khai hô hiệu theo dãy hô hiệu VTĐ nghiệp dư được Quốc tế phân chia cho Việt Nam sử dụng.

4. Kê khai hô hiệu hoặc tên của các đài vô tuyến điện nghiệp dư có thiết lập liên lạc vô tuyến điện với đài đề nghị cấp giấy phép.

5. Kê khai giờ liên lạc đề nghị, nếu liên lạc vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx", nếu liên lạc tất cả thời gian trong ngày thì ghi "H24".

6. Chứng chỉ khai thác viên VTĐ nghiệp dư do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp hoặc Cơ quan chủ quản VTĐ nghiệp dư nước ngoài cấp được Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận.

6.1. Ghi rõ trình độ của Chứng chỉ khai thác viên VTĐ nghiệp dư (cấp 1/cấp 2/cấp 3/ cấp 4).

6.2. Ghi rõ ngày cấp

6.3. Ghi rõ ngày hết hiệu lực của chứng chỉ.

7. Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

8. Kê khai các thông tin bổ sung nếu thông tin bổ sung chưa có mục để kê khai.

9. Đối với các trường hợp Chứng chỉ KTVVTĐND nước ngoài đến từ những nước chưa ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về hoạt động vô tuyến điện nghiệp dư với Việt Nam thì phải có đề nghị của Câu lạc bộ vô tuyến điện nghiệp dư Việt Nam.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1c
(Đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá)

☐ Cấp mới..... ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....
Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. TÊN CHỦ PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ	
2. SỐ ĐĂNG KÝ TÀU CÁ	
3. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 10 năm Khác:.....

A. Thiết bị vô tuyến điện hoạt động trên các băng tần quy hoạch cho tàu cá

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	TÊN THIẾT BỊ	BỔ SUNG/THAY THẾ/HỦY BỎ	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ.... đến... (MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT	CÔNG SUẤT PHÁT (W)
THÔNG TIN BỔ SUNG (nếu có)					

B. Thiết bị giám sát hành trình tàu cá

I. THÔNG TIN KỸ THUẬT CỦA ĐÀI	
1. Loại thiết bị	Cả thu và phát Chỉ phát Chỉ thu
2. Tên thiết bị/Hãng sản xuất	...../.....
3. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)	...../từ..... đến..... (MHz)
4. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)	...../từ..... đến..... (MHz)
5. Công suất phát EIRP (dBW)	
6. Phương thức phát/phương thức thu	Phát:..... /Thu:.....
7. Độ rộng băng thông cần thiết (MHz)	Phát:..... /Thu:.....

8. Kiểu điều chế/Tốc độ truyền dẫn tối thiểu (Mb/s)	...../.....		
II. THÔNG TIN VỀ ĂNG-TEN			
1. Tên ăng-ten (Model)/Hãng sản xuất			
2. Đường kính (m)		3. Vị trí đặt ăng-ten	..... E.... ’.....” ;.... N.... ’... ”
4. Độ rộng búp sóng phát/thu (°)	Phát:..... /Thu:.....		
5. Hệ số khuếch đại phát/thu (dBi)	Phát:..... /Thu:.....		
6. Góc phương vị lớn nhất/nhỏ nhất (°)	...../.....	7. Góc ngẩng (°)	
8. Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m)			
9. Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m) (nếu có)			
10. Phân cực phát	Tuyến tính: Đứng và/hoặc Ngang Tròn: Trái và/hoặc Phải		
11. Phân cực thu	Tuyến tính: Đứng và/hoặc Ngang Tròn: Trái và/hoặc Phải		
12. Thời gian dự định đưa vào khai thác	từ.....	13. Giờ hoạt động	
III. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH			
1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU/Tên thương mại của vệ tinh	...../.....		
2. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (°)			
3. Thông tin bổ sung (nếu có)			

Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép, sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với thiết bị vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá.

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp cấp mới, đề nghị ghi số đăng ký của phương tiện đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi phương tiện nghề cá kê khai trong một tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều phương tiện nghề cá. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của từng tờ kèm theo tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1c khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Ghi tên chủ của phương tiện nghề cá.

2. Ghi số đăng ký tàu cá.

3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

A. Thiết bị vô tuyến điện hoạt động trên các băng tần quy hoạch cho tàu cá

- Loại thiết bị, tên thiết bị: Kê khai loại thiết bị và tên của thiết bị trong trường hợp cấp mới hoặc bổ sung thiết bị.

- Bổ sung/Thay thế/hủy bỏ: kê khai đối với thiết bị trong trường hợp sửa đổi, bổ sung các thiết bị đã được cấp giấy phép

- Dải tần hoạt động: Kê khai tất cả các dải tần hoạt động của thiết bị, ví dụ từ 150 đến 160 MHz; 165 đến 170 MHz...

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: F3E; F1B; J3E;....

- Công suất phát: Kê khai công suất phát theo đơn vị Watt (W)

- Thông tin bổ sung: kê khai nếu có thêm các thông tin ngoài các thông tin ở trên nếu có.

B. Thiết bị giám sát hành trình tàu cá

I. Thông tin kỹ thuật của đài

1. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)
2. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị/Ghi tên hãng sản xuất của thiết bị.
3. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/từ 5 đến 10 (MHz).
4. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/từ 5 đến 10 (MHz)
5. Kê khai mức công suất tại đầu ra ăng - ten theo đơn vị dBW
6. Kê khai tất cả các phương thức phát và phương thức thu sẽ sử dụng, (ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E).
7. Kê khai độ rộng băng thông cần thiết, ví dụ 5 MHz.
8. Kê khai kiểu điều chế của thiết bị như 16QAM, QPSK, FM/Ghi tốc độ truyền theo đơn vị Mb/s. Ví dụ kê khai: 16QAM/10.

II. Thông tin về ăng ten

1. Kê khai tên và ký hiệu ăng-ten theo Catalog hoặc ghi rõ ăng-ten thuộc loại nào (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...)/Khai tên hãng sản xuất ăng-ten.
2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m)
3. Kê khai tọa độ đặt ăng-ten chính xác đến độ, phút, giây.
4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11
5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9
6. Kê khai góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

- Ghi góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng-ten quay, ví dụ: 15/10
- Ghi một giá trị khi ăng-ten cố định.

7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).
8. Kê khai độ cao tính từ bộ tiếp điện (feed horn) của ăng-ten đến mặt đất.
9. Kê khai độ cao của ăng-ten so với mực nước biển.
10. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten phát. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “x” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”
11. Đánh dấu “X” vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten thu. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu “x” vào ô tương ứng “đứng” hoặc “ngang”; với phân cực tròn, đánh dấu “X” vào ô “trái” hoặc “phải”
12. Kê khai rõ thời gian mà tổ chức dự định đưa hệ thống vào khai thác (ngày/tháng/năm), ví dụ: 18/02/2010.
13. Kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi “Hx”, nếu hoạt động liên tục trong ngày thì ghi “H24”.

III. Thông tin về quả vệ tinh

1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU/tên thương mại: Tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E), ví dụ cách ghi: INTELSAT8 174E/IS802@174°E.
2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây
3. Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1d

(Đối với thiết bị phát thanh, truyền hình)

☐ Cấp mới ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. LOẠI ĐÀI:	☐ Phát thanh ☐ Truyền hình			
1.1. Giấy phép hoạt động báo chí hoặc Giấy phép viễn thông theo quy định hoặc Quyết định thành lập	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
	Thời hạn	từ ngày đến ngày		
1.2. Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình (nếu có)	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
	Thời hạn	từ ngày đến ngày		
2. LOẠI MẠNG	☐ Đơn tần ☐ Đa tần			
3. ĐỊA CHỈ ĐẶT THIẾT BỊ VTĐ	Số nhà, đường phố (thôn xóm):		Phường/xã:	
	Quận/huyện:		Tỉnh/thành phố:	
4. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm Khác:.....			
5. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				

6. DANH MỤC KÊNH CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRÊN KÊNH TẦN SỐ ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP

Tên kênh chương trình	Tốc độ bit (Mbit/s)	Độ phân giải hình ảnh	Tên kênh chương trình	Tốc độ bit (Mbit/s)	Độ phân giải hình ảnh

7. HÔ HIỆU (nhận dạng)			
8. ĐẶC ĐIỂM THIẾT BỊ:			
8.1. Tên thiết bị			
8.2. Công suất danh định (W)		8.3. Công suất phát sóng đề nghị (W)	
8.4. Băng tần thiết bị phát		8.5. Hệ - tiêu chuẩn	
8.6. Kênh/tần số phát đề nghị (nếu có)		8.7. Phương thức phát	
9. TỔN HAO FIDER (dB) (nếu có)			
10. ĂNG-TEN Kiểu		Phân cực	

Hướng tính	☐ ND		
	☐ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (^{o}):		
Hệ số khuyếch đại ăng ten (dBi)		Vị trí đặt ăng-ten	Kinh độ: ^{o} ' " E Vĩ độ : ^{o} ' " N
Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m)		Độ cao địa hình (m) (nếu có)	
11. VÙNG PHỦ SÓNG			
12. GIỜ HOẠT ĐỘNG			
13. GIẢN ĐỒ PHÁT XẠ ĂNG-TEN CÓ HƯỚNG (nếu có)			
14. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH VÀ TRUYỀN HÌNH SỐ MẶT ĐẤT			
14.1. Khoảng bảo vệ (Guard interval)			
14.2. Số lượng sóng mang (Number of carrier)			
14.3. Chế độ thu (Reception mode)			
14.4. Kiểu điều chế			
14.5. Tỷ lệ mã			
14.6. Pilot pattern			
Phần khai bổ sung dành riêng cho các thiết bị phát thanh - truyền hình cần đăng ký quốc tế			
15. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH BĂNG TẦN VHF			
15.1. Độ rộng băng tần cần thiết (Necessary bandwidth)			
16. ĐỐI VỚI THIẾT BỊ PHÁT THANH AM BĂNG TẦN MF			
16.1. Độ dẫn điện đất (Ground conductivity- mS/m)			
16.2. Hệ số bảo vệ kênh lân cận (Adjacent channel protection radio - dB)			
16.3. Tăng ích anten theo các hướng: 0, 10, 20,..., 350^0 (cung cấp đối với anten có hướng)			
17. THÔNG TIN BỔ SUNG (nếu có)			
18. ĐỐI VỚI ĐÀI TRUYỀN THANH CẤP HUYỆN			

Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép phát sóng các kênh chương trình phát sóng được kê khai tại Mục 5, 6 của bản khai trên hệ thống phát thanh FM:

.....

.....

.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với thiết bị phát thanh truyền hình.

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d nếu đề nghị cấp mới. Mỗi thiết bị khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1d khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo. Mỗi giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung khai vào một tờ khai. Ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

1. Loại đài:

- Đánh dấu "X" vào ô "Phát thanh" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài phát thanh.

- Đánh dấu "X" vào ô "Truyền hình" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho đài truyền hình.

1.1. Áp dụng đối với tổ chức là cơ quan báo chí, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình:

- Đối với tổ chức là cơ quan báo chí: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép hoạt động báo chí đối với nội dung kênh chương trình phát sóng (không áp dụng đối với việc phát lại các chương trình phát thanh, truyền hình của Trung ương);

- Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình: Ghi số, cơ quan cấp, ngày cấp, thời hạn sử dụng theo Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định mặt đất.

- Đối với đài truyền thanh cấp huyện: Ghi số Quyết định thành lập đài, Cơ quan cấp, ngày cấp.

1.2. Kê khai giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh chương trình được phép phát sóng (nếu có).

2. Loại mạng:

- Đánh dấu "X" vào ô "Đơn tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đơn tần.

- Đánh dấu "X" vào ô "Đa tần" nếu bản khai này được dùng để đề nghị cấp giấy phép cho mạng đa tần.

3. Địa chỉ đặt thiết bị phát sóng VTĐ: Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố/thôn xóm, quận (huyện), tỉnh)

4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

5. Mục đích sử dụng:

- Đối với truyền hình số:

• Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp truyền dẫn phát sóng truyền hình quảng bá: Ghi phát sóng các kênh chương trình quảng bá (đảm bảo các kênh chương trình được phép phát sóng quảng bá theo quy định)

• Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền: Ghi phát sóng theo Giấy chứng nhận đăng ký danh mục kênh trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền số....

- Đối với phát thanh: Ghi rõ phát sóng, phát lại chương trình nào (ví dụ: phát lại chương trình VOV1 của Đài Tiếng nói Việt Nam).

6. Danh mục kênh chương trình phát sóng trên kênh tần số đề nghị cấp phép (để phục vụ tính phí sử dụng tần số và dung lượng kênh tần số): Kê khai từng kênh chương trình đề nghị phát sóng. Đối với mỗi kênh chương trình: ghi cụ thể tên kênh chương trình, tốc độ bit (tính theo Mbit/s), độ phân giải hình ảnh (ví dụ: SD hoặc HD).

7. Khai hô hiệu hoặc nhận dạng đề nghị sử dụng cho đài phát thanh, truyền hình trong khi hoạt động. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hô hiệu sẽ do Cơ quan quản lý quy định.

8. Đặc điểm thiết bị:

8.1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

8.2. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị

8.3. Kê khai mức công suất phát đề nghị cấp phép (mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định)

8.4. Kê khai hệ tiêu chuẩn của đài do thiết kế chế tạo, ví dụ: DVB-T/T2; DAB+, DRM...

8.5. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

8.6. Kê khai kênh phát đề nghị được sử dụng hoặc tần số phát đề nghị được sử dụng (nếu có)

8.7. Phương thức phát:

- Đối với phát thanh FM: Ví dụ: 180KF3EGN (mono); 300KF3EHN (stereo).
- Đối với truyền hình số: kê khai chung cho cả hình và tiếng. Ví dụ: 8M00X7FXF

9. Tổn hao fider: Khai tổng tổn hao của fider (dB) và tổn hao của các connector. Nếu không kê khai được xem mặc định tổn hao fider bằng 0.

10. Ăng-ten:

- Kiểu: Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Dipol, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ an ten thuộc loại nào (ví dụ: Dipol, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)
- Phân cực: Loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...)
- Hướng tính: Khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).
- Hệ số khuyếch đại (dBi): Ghi rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.
- Vị trí: Ghi độ chính xác của kinh độ, vĩ độ đến giây (")

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).
- Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m): là độ cao của địa hình nơi đặt ăng-ten (so với mực nước biển).

11. Kê khai tên các địa phương nằm trong vùng phủ sóng của đài phát thanh hoặc truyền hình đề nghị cấp phép

12. Kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx"

13. Giản đồ phát xạ ăng-ten có hướng : đề nghị tổ chức cung cấp giản đồ phát xạ của ăng-ten.

14. Chỉ áp dụng kê khai đối với thiết bị phát thanh và truyền hình số mặt đất:

14.1. Kê khai đối với mạng đơn tần, khai khoảng bảo vệ là: 4 (khoảng bảo vệ là 1/4), 8(1/8), 16(1/16)...

14.2. Kê khai đối với mạng đơn tần, khai số lượng sóng mang là 2k hay 8k...

14.3. Kê khai chế độ thu theo quy định: F - thu cố định, M - thu lưu động; A - thu trong nhà; B - thu ngoài trời.

14.4. Kê khai kiểu điều chế của thiết bị (ví dụ: 256-QAM, 64-QAM...).

14.5. Kê khai tỷ lệ mã của thiết bị.

14.6. Kê khai mẫu hình tín hiệu Pilot.

15, 16, 17: Chỉ áp dụng cho các thiết bị cần đăng ký quốc tế.

15.1. Kê khai độ rộng băng tần tối thiểu để đảm bảo chất lượng thông tin.

16.1. Kê khai độ dẫn điện đất theo đơn vị mS/m.

16.2. Ghi rõ hệ số bảo vệ kênh lân cận theo đơn vị dB.

16.3. Tăng ích anten theo các hướng 0, 10, 20,... 350^0: áp dụng đối với anten có hướng

17. Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

18. Xác nhận đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện cho phép phát sóng các kênh chương trình phát sóng nào (ghi rõ tên các kênh chương trình) được kê khai tại Mục 5,6 của bản khai trên hệ thống phát thanh FM (chỉ yêu cầu đối với các Đài cấp huyện).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1đ

(Đối với thiết bị Truyền thanh không dây)

□ Cấp mới □ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. Tên thiết bị				
2. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép		□ 1 năm □ 2 năm □ 10 năm Khác:.....		
3. Mục đích sử dụng				
4. Địa điểm đặt thiết bị VTĐ		Số nhà, đường phố (thôn xóm):	Phường/xã:	
		Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:	
5. Công suất danh định (W)				
6. Công suất phát đề nghị (W)				
7. Băng tần phát (MHz)				
8. Tần số phát đề nghị (MHz) (nếu có)				
9. Ăng-ten phát	Kiểu		Phân cực	
	Hệ số khuếch đại (dBi)		Độ cao (m)	
	Hướng tính	□ ND		
		□ D Góc phương vị của hướng bức xạ chính (^{o}):		
	Kinh độ	° ' " E	Vĩ độ	° ' " N
10. Các thông tin bổ sung (nếu có)				

11. Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình phát thanh được kê khai tại Mục 3 của bản khai trên hệ thống phát thanh, truyền thanh thông tin cơ sở:

.....

.....

.....

.....

.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép, sử dụng tần số và thiết bị VTĐ; sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài truyền thanh không dây.

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi đài truyền thanh không dây kê khai vào 1 tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1đ khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.

2. Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

4. Kê khai tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ thường trú tại nơi đặt thiết bị (số nhà, đường phố/thôn xóm, quận (huyện), tỉnh).

5. Kê khai công suất phát thiết kế của thiết bị.

6. Kê khai mức công suất phát đề nghị cấp phép (nếu mức công suất trước khi đưa vào ăng-ten, nhỏ hơn hoặc bằng công suất danh định).

7. Kê khai dải tần số hoặc các kênh tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo

8. Kê khai tần số phát đề nghị cấp phép (nếu có).

9. Ăng-ten phát:

- Kiểu: Khai tên, ký hiệu của ăng-ten theo Catalog (VD: Dipol, 759101195, Kathrein). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ ăng-ten thuộc loại nào (ví dụ: Dipol, Panel, lồng, chữ V, tháp, v.v...)

- Phân cực: Loại phân cực của ăng-ten (ví dụ: đứng, ngang, tròn,...)

- Hướng tính: Khai ăng-ten có hướng (D) hay vô hướng (ND) bằng cách đánh dấu "X" vào ô cho trước. Đối với ăng-ten có hướng (D) kê khai góc phương vị của hướng bức xạ chính (là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ).

- Hệ số khuyếch đại (dBi): Ghi rõ hệ số khuếch đại của ăng-ten theo đơn vị dBi.

- Vị trí: Ghi độ chính xác của kinh độ, vĩ độ đến giây (")

- Độ cao (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).

10. Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

11. Phải có xác nhận đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp huyện sở tại cho phép phát sóng các kênh chương trình phát thanh nào (ghi rõ tên các kênh chương trình) được kê khai tại Mục 3 của bản khai trên hệ thống phát thanh, truyền thanh thông tin cơ sở.

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1e
(Đối với tuyến truyền dẫn vi ba)
☐ Cấp mới ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....
Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

I. GIẤY PHÉP VIỄN THÔNG (nếu có)	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
	Thời hạn sử dụng	từ ngày	đến ngày	

II. THÔNG SỐ CỦA TRẠM	**TRẠM "THỨ NHẤT"**	**TRẠM "THỨ HAI"**
1. Hô hiệu (tên/mã trạm)		
2. Kinh độ		
3. Vĩ độ		
4. Cự ly tuyến (km)		
5. Địa điểm đặt		
Số nhà, đường phố (thôn xóm)		
Phường/xã		
Quận/huyện		
Tỉnh/thành phố		
III. CHI TIẾT THÔNG SỐ KỸ THUẬT		
1.Tên thiết bị		
2. Hãng sản xuất		
3. Dải tần số thu (MHz)		
4. Dải tần số phát (MHz)		
5. Tần số phát đề nghị (MHz)		
6. Băng thông (MHz)		
7. Công suất phát (dBm)		
8. Kiểu điều chế		
9. Tốc độ truyền dẫn tối thiểu (Mbit/s) (nếu có)		
10. Hệ số tạp âm (dB) (nếu có)		

11. Độ nhạy máy thu (dBm) (nếu có)		
12. Suy hao Tx (dB) (nếu có)		
13. Fade margin (dB) (nếu có)		
IV. THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĂNG-TEN		
1. Tên ăng-ten		
2. Hãng sản xuất		
3. Hướng tính		
4. Kích thước		
5. Độ cao so với mặt đất (m)		
6. Phân cực (tuyến tính, tròn, v.v.)		
7. Hệ số khuếch đại (dBi)		
8. Giản đồ bức xạ ăng-ten (nếu có)		
V. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm Khác:.....	
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG (nếu có)		

Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); ngừng (khi giấy phép còn hiệu lực); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho các tuyến truyền dẫn vi ba.

Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e dùng để kê khai cho một tuyến truyền dẫn vi ba. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai cho nhiều tuyến vi ba. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi đề nghị cấp mới.

Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e khi sửa đổi, bổ sung, các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

I. Số giấy phép viễn thông

Kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông theo quy định, cơ quan cấp, ngày cấp, ngày hết hạn.

II. Thông số của trạm

1. Hô hiệu đề nghị được sử dụng cho thiết bị thu/phát, có thể lấy tên trụ sở làm hô hiệu.

2, 3. Ghi kinh độ, vĩ độ của vị trí đặt ăng-ten của mỗi thiết bị ở dạng thập phân, ví dụ: 105,2460 đông.

4. Là khoảng cách (tính theo đường thẳng) giữa hai trạm.

5. Ghi tên trụ sở đặt thiết bị; địa chỉ nơi đặt thiết bị, khai đầy đủ số nhà, đường phố (thôn, xóm), phường (xã), quận (huyện), thành phố (tỉnh).

III. Chi tiết thông số kỹ thuật

1. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị.
2. Kê khai tên hãng sản xuất của thiết bị.

3, 4. Kê khai dải tần mà thiết bị cho phép lựa chọn (tính từ tần số thấp nhất đến tần số cao nhất).

5. Kê khai tần số phát đề nghị (theo đơn vị MHz).
6. Kê khai băng thông của thiết bị (theo đơn vị MHz), là độ chiếm dụng băng tần của thiết bị khi khai thác ở tốc độ truyền.
7. Kê khai công suất phát (dBm).
8. Kê khai các kiểu điều chế mà thiết bị cho phép chọn lựa. Ví dụ: QPSK, BPSK...
9. Kê khai tốc độ truyền dẫn tối thiểu của cặp vi ba (theo đơn vị Mbit/s).
10. Kê khai hệ số tạp âm (theo đơn vị dB) của máy thu.
11. Kê khai độ nhạy của máy thu theo đơn vị dBm.
12. Kê khai suy hao trên đường truyền ra ăng-ten của máy phát. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.
13. Kê khai dự trữ pha-đinh theo đơn vị dB. Mặc định bằng 0 nếu không kê khai.

IV. Thông số kỹ thuật của ăng-ten.

1, 2. Khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog (VD: Loga-chu kỳ, AD-22/C, Trival). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ ăng-ten thuộc loại nào (ví dụ: Parabol, Yagi, Dipol, ăng-ten khe nửa sóng, v.v...)

3. Hướng tính của ăng-ten: có hướng (D) hay vô hướng (ND).
4. Kích thước của ăng-ten là độ dài của ăng-ten hoặc đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).
5. Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten) tính theo mét (m).
6. Khai phân cực của ăng-ten như thẳng đứng, nằm ngang, phân cực tròn,...
7. Hệ số khuếch đại ghi theo đơn vị dBi.

8. Giản đồ bức xạ: Đối với ăng-ten theo chuẩn của ITU khai ký hiệu của giản đồ; Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten.

V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

VI. Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1g

(Đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp vụ di động)

□ Cấp mới □ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. Giấy phép viễn thông (nếu có)		Số		Ngày cấp	
		Cơ quan cấp			
		Thời hạn sử dụng	từ ngày đến ngày		
2. Tổng số thiết bị trong			**3. Giờ liên lạc**		
4. Phạm vi hoạt động của thiết bị lưu động	**Phạm vi nội bộ**	Số nhà, đường phố (thôn xóm):		Phường/xã:	
		Quận/huyện:		Tỉnh/thành phố:	
	Phạm vi rộng	Tỉnh/thành phố: Khác:			
5. Sử dụng mã hóa (khi dùng chung tần số)		□ Có. Loại mã:..... □ Không			
6. Cấu hình mạng		□ Đơn công			
		□ Song công/Bán song công	- Khoảng cách thu/phát tối thiểu (MHz): - Khoảng cách thu/phát tối đa (MHz):		
7. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép		□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm Khác:.....			
8. Mục đích sử dụng					

9. Thông số kỹ thuật và khai thác của các loại thiết bị di động				
Loại thiết bị (số lượng) / Thông số kỹ thuật				
9.1. Các mức công suất phát (W)				
9.2. Kiểu điều chế				
9.3. Phương thức phát				
9.4. Dải thông(kHz)				
9.5. Dải tần thiết bị (MHz)	Phát			
	Thu			
9.6. Ăng-ten	Dải tần làm việc			
	Hệ số khuếch đại (dBi)			
	Độ cao (so với mặt đất) (m)			
9.7. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ (nếu có)				
9.8. Kinh độ, vĩ độ *Chỉ áp dụng cho mạng nội bộ (vị trí trung tâm của vùng hoạt động)*		o ' " E o ' " N		

9.9. Hô hiệu của thiết bị VTĐ di động đề nghị		
10. Thông số kỹ thuật và khai thác của các thiết bị cố định (nếu có)		
Thiết bị / Thông số kỹ thuật		
10.1. Các mức công suất phát (W)		
10.2. Kiểu điều chế		
10.3. Phương thức phát		
10.4. Dải thông (kHz)		
10.5. Dải tần thiết bị (MHz)	Phát	
	Thu	
10.6. Địa điểm đặt thiết bị	Số nhà, đường phố (thôn xóm):	Phường/xã:
	Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:
10.7. Hô hiệu đề nghị		
10.8. Ăng-ten	Kiểu	
	Dải tần làm việc	
	Hệ số khuếch đại	
	Kích thước	
	Độ cao (so với mặt đất) (m)	
	Kinh độ (° ' " E)	
	Vĩ độ (° ' " N)	
	Góc phương vị của hướng bức xạ chính (°) (nếu ăng ten có	
10.9. Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ (nếu có)		
11. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG (nếu có)		

Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép, sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ, mạng viễn thông dùng riêng có sử dụng tần số vô tuyến điện thuộc nghiệp di động.

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g dùng để kê khai cho một mạng thông tin vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều mạng. Lưu ý ghi rõ số thứ tự tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai tất cả các thông số trong Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1g khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Chỉ áp dụng cho trường hợp quy định của pháp luật viễn thông yêu cầu cần phải có giấy phép viễn thông tương ứng.

2. Ghi rõ tổng số thiết bị có trong mạng, bao gồm cả thiết bị cố định và di động.

3. Giờ liên lạc: Ghi giờ liên lạc đề nghị, nếu liên lạc vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx", nếu liên lạc tất cả thời gian trong ngày thì ghi "H24".

4. Phạm vi hoạt động của các thiết bị lưu động:

- Đối với các mạng có thiết bị lưu động trong phạm vi nội bộ thì kê khai: số nhà, đường, phường (xã), quận (huyện), tỉnh/thành phố hoặc;

- Đối với các mạng có thiết bị lưu động phạm vi rộng: kê khai phạm vi là tỉnh/thành phố hoặc khác (nhiều tỉnh/thành phố, khu vực, toàn quốc).

5. Chỉ áp dụng đối với trường hợp dùng chung tần số. Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.

6. Cấu hình mạng: Đánh dấu "X" vào ô "đơn công" nếu mạng hoạt động ở chế độ đơn công hoặc "Song công/Bán song công nếu mạng hoạt động ở chế độ Song công/Bán song công và ghi khoảng cách thu phát tối thiểu, khoảng cách thu phát tối đa theo đơn vị kHz.

7. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

8. Ghi rõ sử dụng tần số và thiết bị VTĐ cho mục đích: Phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập, nghiên cứu, dự phòng,...

9. Thông số kỹ thuật và khai thác của các loại thiết bị di động: Kê khai theo loại thiết bị, không kê khai từng thiết bị. Mỗi loại thiết bị di động được khai vào một cột. Kê khai tên thiết bị, ký hiệu (model) của thiết bị và số lượng thiết bị cùng loại đó vào hàng trên cùng của mỗi cột.

9.1. Các mức công suất phát (W): Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

9.2. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị. Ví dụ: AM, FM, PSK...

9.3. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

9.4. Dải thông (kHz): Kê khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (kHz)

9.5. Dải tần thiết bị. Là dải tần phát/thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

9.6. Ăng-ten:

- Dải tần làm việc: Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

- Hệ số khuếch đại (dBi): Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m)

9.7. Chỉ áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:

- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng, tên thiết bị, tổng số thiết bị bổ sung tương ứng với từng loại và kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: số lượng thay thế, cho thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới. Nếu thiết bị mới thay thế thuộc loại khác so với thiết bị cũ thì phải kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi hủy bỏ đối với trường hợp bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

9.8. Đối với mạng nội bộ thì kê khai kinh độ, vĩ độ của vị trí trung tâm của vùng hoạt động theo độ, phút, giây.

9.9. Hô hiệu của thiết bị VTĐ di động đề nghị: Liệt kê các hô hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: Khi mạng hoạt động sẽ phải sử dụng các hô hiệu đã được ghi trong giấy phép)

10. Thông số kỹ thuật và khai thác của các thiết bị cố định: Đối với mạng có nhiều thiết bị cố định, mỗi thiết bị kê khai lần lượt thông tin theo mẫu quy định tại Mục 10.

10.1. Các mức công suất phát (W): Kê khai các mức công suất có thể điều chỉnh được theo thiết kế chế tạo như: công suất cực đại, công suất cực tiểu, công suất danh định,...

10.2. Kiểu điều chế: Kê khai kiểu điều chế của thiết bị. Ví dụ: AM, FM, PSK...

10.3. Phương thức phát: Kê khai các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo của thiết bị. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;...

10.4. Dải thông (kHz): Kê khai độ chiếm dụng băng tần của một kênh (kHz).

10.5. Dải tần thiết bị: Là dải tần phát/thu mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo.

10.6. Kê khai địa điểm đặt thiết bị (Thôn, xã, phường, quận, huyện, tỉnh).

10.7. Hô hiệu đề nghị: Liệt kê các hô hiệu đề nghị sử dụng và phải sử dụng các hô hiệu đã được cấp phép. Trường hợp không kê khai hoặc kê khai thiếu, hô hiệu sẽ do Cơ quan quản lý cấp phép quy định.

10.8. Ăng-ten:

- Kiểu: Khai tên, ký hiệu của ăng-ten theo Catalog (VD: DB404, BC200, MAXRAD, MFB4603 v.v). Trong trường hợp không khai được đầy đủ như trên thì phải ghi rõ an ten thuộc loại nào (ví dụ: Yagi, Dipol, Panel, v.v...)

- Dải tần làm việc: Kê khai dải tần số mà trong giới hạn đó, ăng-ten làm việc được với các chỉ tiêu kỹ thuật đã cho.

- Hệ số khuếch đại (dBi): Kê khai hệ số khuếch đại của ăng-ten.

- Kích thước: Kê khai kích thước của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m).

- Độ cao (so với mặt đất) (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

- Kinh độ, vĩ độ: kê khai vị trí lắp đặt ăng-ten chính xác đến độ, phút, giây.

- Góc phương vị của hướng bức xạ chính (o): là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ.

10.9. Chỉ áp dụng đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung:

- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào mạng, loại thiết bị, tổng số thiết bị bổ sung tương ứng với từng loại và kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: số lượng thay thế, cho loại thiết bị nào, địa điểm đặt trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới. Nếu thiết bị mới thay thế thuộc loại khác so với thiết bị cũ thì phải kê khai toàn bộ thông số.

- Ghi hủy bỏ đối với trường hợp hủy bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ thiết bị loại nào, đặt tại đâu theo quy định của giấy phép đã được cấp.

11. Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1h

(Đối với đài tàu)

☐ Cấp mới ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. TÊN CHỦ TÀU			
2. TÊN TÀU		**3. LOẠI TÀU (SÔNG, BIỂN, SÔNG BIỂN)**	
4. SỐ GỌI CHỌN (nếu có)			
5. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm Khác:.....		

6. ĐẶC ĐIỂM THIẾT BỊ PHÁT HOẶC THU - PHÁT VTĐ TRANG BỊ TRÊN TÀU

LOẠI THIẾT BỊ (MF, HF, VHF)	TÊN THIẾT BỊ	BỔ SUNG/ THAY THẾ/ HỦY BỎ	CÔNG SUẤT PHÁT (W)	DẢI TẦN HOẠT ĐỘNG từ.... đến.... (kHz/MHz)	PHƯƠNG THỨC PHÁT

8. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG (nếu có)	

Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ (không áp dụng cho thiết bị thông tin vệ tinh ngoài hệ thống GMDSS); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho đài tàu.

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h dùng để kê khai cho một đài tàu. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều đài tàu. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai và tổng số tờ ở từng Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1h nếu đề nghị cấp mới. Các thiết bị cùng loại có thông số giống nhau có thể kê khai một lần và ghi rõ số lượng thiết bị.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1e bổ sung, sửa đổi.

1. Kê khai tên của chủ tàu (khuyến khích viết chữ in hoa, ví dụ: NGUYỄN VĂN A).
2. Kê khai tên tàu (khuyến khích viết chữa in hoa, ví dụ: VINALINES). Lưu ý: ghi tên tàu đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp.
3. Kê khai rõ tàu sông (S), tàu biển (B), tàu sông biển (SB)
4. Kê khai dãy số gồm 9 chữ số do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho tàu.
5. Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).
6. Kê khai theo từng loại thiết bị, mỗi loại thiết bị kê khai vào một dòng.

- Loại thiết bị: (ví dụ: HF, MF, VHF...)

- Tên thiết bị: Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị

- Bổ sung/Thay thế/Hủy bỏ: áp dụng cho trường hợp sửa đổi bổ sung:

- Ghi bổ sung đối với thiết bị mới bổ sung vào và khai đầy đủ các thông số.
- Ghi thay thế cho thiết bị (cụ thể: loại thiết bị nào trong giấy phép cũ) đối với trường hợp thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị mới và khai đầy đủ các thông số nếu thiết bị thay thế là thiết bị thuộc loại mới.
- Ghi hủy bỏ đối với trường hợp hủy bỏ bớt thiết bị trong giấy phép đã được cấp, ghi rõ tên thiết bị nào theo quy định của giấy phép đã được cấp.

- Công suất phát (W): Kê khai mức công suất phát của thiết bị

- Dải tần hoạt động: kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz)

- Phương thức phát: Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng theo thiết kế chế tạo. Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E;....

7. Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1i

(Đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá)

☐ Cấp mới ☐ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....

Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

1. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC CỦA ĐÀI VÔ TUYẾN ĐIỆN:			
Thiết bị phát / Tham số kỹ thuật			
1.1. Công suất phát tối đa			
1.2. Phương thức phát			
1.3. Dải tần thiết bị	Phát		
	Thu		
1.4. Địa điểm đặt		Số nhà, đường phố (thôn xóm):	Phường/xã:
		Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:
1.5. Ăng-ten	Kiểu		
	Kích thước (m)		
	Độ cao so với mặt đất (m)		
1.6. Hô hiệu đề nghị			
1.7. Giờ hoạt động			
1.8. Đối tượng liên lạc			
2. Sử dụng mã hóa (khi dùng chung tần số)		☐ Có. Loại mã:..... ☐ Không	
3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép		☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 3 năm Khác:.....	
4. Mục đích sử dụng			
5. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG (nếu có)			

Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp cho đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá.

- Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung.

- Mỗi tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i dùng để kê khai một đài vô tuyến điện. Có thể dùng nhiều Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i nếu cần kê khai nhiều đài. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

- Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi đề nghị cấp mới.

- Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1i khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

1. Các thông số kỹ thuật, khai thác của đài VTĐ:

Kê khai tên thiết bị, ký hiệu (model) của thiết bị vào hàng trên cùng của cột.

1.1. Kê khai công suất phát tối đa của thiết bị.

1.2. Kê khai tất cả các phương thức phát đề nghị sử dụng (theo thiết kế chế tạo của thiết bị). Ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E.

1.3. Kê khai dải tần hoạt động của thiết bị (ví dụ: từ 5 MHz đến 10 MHz).

1.4. Địa điểm đặt (thôn, xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố): Kê khai theo địa điểm đặt thiết bị.

1.5. Ăng-ten:

- Kiểu: Kê khai tên, ký hiệu và hãng sản xuất của ăng-ten theo Catalog. VD: Cần, Dipol...

- Kích thước (m): Kê khai kích thước của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m)

- Độ cao so với mặt đất (m): là độ cao tính từ đỉnh ăng-ten đến mặt đất (chính là kích thước của ăng-ten và độ cao của cấu trúc đặt ăng-ten), tính theo mét (m).

1.6. Kê khai các hô hiệu đề nghị sử dụng để thuận tiện cho công việc (lưu ý: khi hoạt động phải sử dụng các hô hiệu đã được cấp phép).

1.7. Kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx", nếu hoạt động trong thời gian toàn bộ ngày thì ghi "H24".

1.8. Kê khai hô hiệu của phương tiện nghề cá liên lạc với đài.

2. Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không sử dụng mã hóa. Ghi loại mã đề nghị sử dụng.

3. Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

4. Kê khai mục đích sử dụng của đài, ví dụ liên lạc với phương tiện nghề cá của cá nhân, tổ chức đề nghị cấp giấy phép hay với phương tiện nghề cá của các cá nhân, tổ chức khác.

5. Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

BẢN KHAI THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC 1m
(Đối với đài trái đất)
□ Cấp mới □ Sửa đổi, bổ sung cho giấy phép số.....
Tờ số:...../tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác:.....

I. THÔNG TIN CHUNG				
1. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định/di động vệ tinh (nếu có)		Số		Ngày cấp	
		Cơ quan cấp		
		Thời hạn sử dụng	từ ngày:..... đến ngày:.....	
2. Địa điểm đặt thiết bị	Cố định	Số nhà, đường phố (thôn xóm):	Phường/xã:	
		Quận/huyện:	Tỉnh/thành phố:	
	Di động	Tỉnh/thành phố/khu vực:		
3. Mục đích sử dụng		Thiết lập mạng viễn thông công cộng Thiết lập mạng viễn thông dùng riêng Thiết lập mạng truyền dẫn phát sóng PTTH Khác:.....		
4. Thời hạn đề nghị cấp phép		□ 1 năm □ 2 năm □ 3 năm Khác:.....		

II. THÔNG TIN KỸ THUẬT CỦA ĐÀI	
1. Hô hiệu (tên/mã đài)	
2. Loại đài:	Đài vệ tinh trái đất đặt trên máy bay Đài vệ tinh trái đất di động Đài vệ tinh trái đất đặt trên tàu biển Đài vệ tinh trái đất cố định Loại khác:.....
3. Loại thiết bị	Cả thu và phát Chỉ phát Chỉ thu
4.Tên thiết bị/Hãng sản xuất	..... /.....
5. Tần số phát đề nghị/dải tần phát (MHz)	..... /từ..... đến..... (MHz)
6. Tần số thu đề nghị/dải tần thu (MHz)	..... /từ..... đến..... (MHz)
7. Công suất phát EIRP (dBW)	
8. Phương thức phát/phương thức thu	Phát:..... /Thu:.....
9. Độ rộng băng thông cần thiết (MHz)	Phát:..... /Thu:.....
10. Kiểu điều chế/Tốc độ truyền dẫn tối thiểu (Mb/s)	..... /.....

III. THÔNG TIN VỀ ĂNG-TEN			
1. Tên ăng-ten (Model)/Hãng sản xuất			
2. Đường kính (m)	.....	3.Vị trí đặt ăng-ten	..... E....’...”/....N.... ’... ”
4. Độ rộng búp sóng phát/thu (^{o})	Phát:...../Thu:.....		
5. Hệ số khuếch đại phát/thu (dBi)	Phát:...../Thu:.....		
6. Góc phương vị lớn nhất/nhỏ nhất (^{o})	...../.....	7. Góc ngẩng (^{o})	
8. Độ cao ăng-ten (so với mặt đất) (m)			

9. Độ cao địa hình (so với mực nước biển) (m)				
10. Phân cực phát	Tuyến tính: Tròn :	Đứng Trái	và/hoặc và/hoặc	Ngang Phải
11. Phân cực thu	Tuyến tính: Tròn :	Đứng Trái	và/hoặc và/hoặc	Ngang Phải
12. Giản đồ bức xạ phát	REC-580 (ITU) REC-465 (ITU) AP28 hoặc AP29 Khác:.....			
13.Giản đồ bức xạ thu	REC-580 (ITU) REC-465 (ITU) AP28 hoặc AP29 Khác:.....			
14. Thời gian dự định đưa vào khai thác	từ.....	15. Giờ hoạt động		
16. Vị trí của trạm vệ tinh liên lạc (nếu có)	.....E.....’.....” ;.....N..... ’..... ”			

IV. THÔNG TIN VỀ QUẢ VỆ TINH VÀ PHỐI HỢP TẦN SỐ QUỐC TẾ	
1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU (/Tên thương mại của vệ tinh)	
2. Mã hồ sơ đăng ký của vệ tinh	
3. Cơ quan quản lý vệ tinh	
4. Vị trí quỹ đạo của vệ tinh (^{o})	
5. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp	
6. Thông tin chi tiết về thiết bị phát của đài trái đất	Công suất đỉnh cực đại (dBW)..... Công suất đỉnh cực tiểu (dBW).....
7. Thông tin chi tiết về thiết bị thu của đài trái đất	Tỷ số C/N:..... Nhiệt độ tạp âm máy thu (^{0}K):.....
8. Ký hiệu búp sóng vệ tinh	Phát:...../Thu.....
9. Thông tin bổ sung (nếu có)	

Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m

Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng VTĐ; bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép đã được cấp đối với đài trái đất.

1. Đánh dấu "X" vào ô "cấp mới' hoặc ô "sửa đổi, bổ sung" nếu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp mới hoặc sửa đổi bổ sung nội dung giấy phép tần số vô tuyến điện. Với trường hợp sửa đổi, bổ sung, đề nghị ghi số của giấy phép đề nghị sửa đổi, bổ sung

2. Mỗi thiết bị kê khai trong một tờ khai của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m. Có thể dùng nhiều tờ khai nếu cần kê khai nhiều thiết bị. Lưu ý ghi rõ số thứ tự của tờ khai, tổng số tờ của Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác.

3. Kê khai đầy đủ các thông tin vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi đề nghị cấp mới..

4. Chỉ kê khai các thông số có thay đổi hoặc bổ sung vào Bản khai thông số kỹ thuật, khai thác 1m khi bổ sung, sửa đổi. Các thông số khác không thay đổi, giữ nguyên không cần khai báo.

I. Thông tin chung

1. Kê khai các thông tin của Giấy phép thiết lập mạng viễn cố định/di động vệ tinh (nếu có).
2. Địa điểm đặt thiết bị: Ghi theo địa chỉ hành chính (xã (phường), huyện (quận), tỉnh (thành phố)).
3. Mục đích sử dụng: Đánh dấu "X" vào các mục đích tương ứng.
4. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2016" (ghi theo ngày/tháng/năm).

II. Thông tin kỹ thuật của đài

1. Kê khai tên/mã trạm mặt đất được phép sử dụng.
2. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (đài trái đất đặt trên máy bay/đài trái đất di động/đài trái đất đặt trên mặt đất/đài trái đất đặt trên tàu biển/khác: ghi cụ thể)

3. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng (cả thu và phát, chỉ phát, chỉ thu)
4. Kê khai đầy đủ tên thiết bị, gồm cả nhãn hiệu và model của thiết bị/Ghi tên hãng sản xuất của thiết bị.
5. Kê khai tần số phát đề nghị và ghi dải tần phát của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/từ 5 đến 10 (MHz).
6. Kê khai tần số thu đề nghị và ghi dải tần thu của đài (là dải tần số mà thiết bị có thể làm việc theo thiết kế chế tạo) theo đơn vị MHz, ví dụ: 5000/từ 5 đến 10 (MHz)
7. Kê khai mức công suất tại đầu ra ăng - ten theo đơn vị dBW
8. Kê khai tất cả các phương thức phát và phương thức thu sẽ sử dụng, (ví dụ: 100HA1A; 2K10A2A; 6K00A3E; 3K00B3E; 16KF3E; 3M70F3E; 304HF1B; 6K00G8E; 2K70J3E).
9. Kê khai độ rộng băng thông cần thiết, ví dụ 5 MHz.
10. Kê khai kiểu điều chế của thiết bị như 16QAM, QPSK, FM/Ghi tốc độ truyền theo đơn vị Mb/s. Ví dụ kê khai: 16QAM/10.

III. Thông tin về ăng ten

1. Kê khai tên và ký hiệu ăng-ten theo Catalog hoặc ghi rõ ăng-ten thuộc loại nào (ví dụ: Parabol trụ, Parabol tròn xoay,...)/Khai tên hãng sản xuất ăng-ten.
2. Kê khai đường kính của ăng-ten theo thiết kế chế tạo, tính bằng mét (m)
3. Kê khai tọa độ đặt ăng-ten chính xác đến độ, phút, giây.
4. Kê khai độ rộng của búp sóng phát và độ rộng của búp sóng thu theo đơn vị độ (^{o}), ví dụ: độ rộng của búp sóng phát là 10 độ và độ rộng của búp sóng thu là 11 độ, ghi là: 10/11
5. Kê khai hệ số khuếch đại phát và ghi hệ số khuếch đại thu của ăng-ten theo đơn vị dBi, ví dụ: 10/9
6. Góc phương vị là góc được tạo bởi đường tâm của búp sóng chính với phương bắc của trái đất theo chiều kim đồng hồ. Kê khai góc phương vị lớn nhất và góc phương vị nhỏ nhất trong trường hợp ăng - ten quay, ví dụ: 15/10

7. Kê khai góc giữa hướng của ăng-ten với phương thẳng đứng (phương vuông góc với trái đất).

8. Kê khai độ cao của ăng-ten so với mặt đất.

9. Kê khai độ cao của ăng-ten so với mực nước biển (nếu có).

10. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "x" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải"

11. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với phân cực của ăng-ten. Với phân cực tuyến tính, đánh dấu "x" vào ô tương ứng "đứng" hoặc "ngang"; với phân cực tròn, đánh dấu "X" vào ô "trái" hoặc "phải"

12. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ phát của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC - 580...); Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten

13. Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với giản đồ bức xạ thu của ăng-ten (ví dụ: AP28, REC - 580...); Đối với ăng-ten không theo khuyến nghị của ITU, đề nghị cung cấp giản đồ bức xạ của ăng-ten và Catalog mô tả các đặc tính kỹ thuật của ăng-ten

14. Kê khai rõ thời gian mà tổ chức dự định đưa hệ thống vào khai thác (ngày/tháng/năm), ví dụ: 18/02/2010.

15. Kê khai giờ hoạt động đề nghị, nếu hoạt động vào giờ bất kỳ trong ngày thì ghi "Hx", nếu hoạt động liên tục trong ngày thì ghi "H24".

16. Kê khai vị trí tọa độ của trạm vệ tinh liên lạc (đối với trạm vệ tinh VSAT liên lạc 2 chiều - nếu có)

IV. Thông tin về quả vệ tinh và phối hợp

1. Tên đăng ký của vệ tinh với ITU(/tên thương mại): Kê khai tên đăng ký của vệ tinh với ITU là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU hoặc kê khai tên thương mại là tên của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. (Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E và tên thương mại là

IS802@174°E), ví dụ cách ghi một trong 2 tên: INTELSAT8 174E hoặc IS802@174°E.

2. Mã hồ sơ đăng ký (Special Section): Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định, lấy từ hồ sơ của vệ tinh đã đăng ký với ITU. (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)
3. Cơ quan quản lý vệ tinh: Ghi tên tổ chức hoặc quốc gia cung cấp vệ tinh (Ví dụ: Intelsat, Inmarsat, Mỹ, Trung Quốc,...)
4. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ, phút, giây
5. Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: Kê khai độ rộng băng thông (ví dụ: 8 MHz)
6. Thông tin chi tiết về thiết bị phát: Kê khai công suất đỉnh lớn nhất theo đơn vị dBW và công suất đỉnh nhỏ nhất theo đơn vị dBW.
7. Thông tin chi tiết về thiết bị thu: Kê khai tỷ số C/N (là tỷ số giữa công suất sóng mang và tạp âm) và kê khai nhiệt độ tạp âm máy thu (độ K), ghi nhiệt độ tạp âm (noise temperature) hoặc hệ số tạp âm (noise figure) của máy thu.
8. Ký hiệu búp sóng vệ tinh: Trước khi kê khai cần trao đổi với phía đối tác cung cấp dung lượng vệ tinh để ghi chính xác ký hiệu búp sóng phát và búp sóng thu vệ tinh (associated satellite receiving designation/associated satellite receiving designation). Ký hiệu này dài không quá 4 ký tự, được ghi trong hồ sơ đăng ký của vệ tinh với ITU. Lưu ý: Búp sóng phát của vệ tinh sẽ là búp sóng phát của đài trái đất và ngược lại
9. Kê khai các thông tin cần bổ sung chưa có trong bản khai (nếu có).

BẢN KHAI ĐỀ NGHỊ GIA HẠN
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

STT[1]	Số giấy phép[2]	Ngày hết hạn[3]	Thời gian gia hạn[4] (gia hạn đến hết ngày)	Số giấy phép viễn thông[5]	Ghi chú
...	...	...	...		

Bản khai đề nghị gia hạn giấy phép

1. STT: đánh số theo thứ tự

2. Số giấy phép: kê khai số giấy phép cụ thể đề nghị gia hạn

3. Ngày hết hạn: Kê khai ngày hết hạn của giấy phép được đề nghị gia hạn

4. Thời gian gia hạn (gia hạn đến hết ngày): kê khai thời gian gia hạn giấy phép theo năm (01 năm,...) hoặc theo ngày tháng cụ thể (ngày/tháng/năm).

5. Số giấy phép viễn thông: kê khai số giấy phép thiết lập mạng viễn thông (nếu có) nếu giấy phép được cấp trước đây có thay đổi.

Mẫu 2

Số:	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KHAI

ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI BỔ SUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP				
1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
	Thời hạn sử dụng	Từ ngày:..... Đến ngày:.....		
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý		
1.4. Địa chỉ liên lạc				
1.5. Địa chỉ trụ sở chính				
1.6. Số FAX/Số điện thoại		1.7. Người kê khai (Số điện thoại CĐ/Di động/E-mail		
2. MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG				
3. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 5 năm ☐ 10 năm Khác:.....			
4. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	☐ Có ☐ Không			
5. MỤC ĐÍCH BÁN KHAI	☐ Cấp mới ☐ Gia hạn ☐ Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số..... cấp ngày.....			
6. PHẠM VI PHỦ SÓNG				
7. CÁC THÔNG SỐ KỸ THUẬT CHUNG	7.1. Đoạn băng tần sử dụng			
	7.2. Công nghệ sử dụng			
	7.2.1. Tiêu chuẩn công nghệ			

	7.2.2. Phát xạ giả	
	7.2.3. Phát xạ trong băng	
	7.2.4. Phát xạ ngoài băng	
8. CẤU HÌNH MẠNG LƯỚI		
9. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG (nếu có)		

10. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP:.....
.....

CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

10.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.

10.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; kiểm tra giải quyết nhiễu có hại và an toàn bức xạ vô tuyến điện.

10.3. Thiết kế, lắp đặt đài vô tuyến điện, cột ăng-ten phù hợp với quy định về tương thích điện từ, an toàn bức xạ vô tuyến điện, an toàn xây dựng, an toàn hàng không và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

10.4. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức, doanh nghiệp)

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG BĂNG TẦN (MẪU 2)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179; Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545; Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám - TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0292.3832760; Fax: 0292.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sở Dầu - Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3827857/Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0238. 3833511; Fax: 0238. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch - xã Vĩnh Thạnh - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567; Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu - TP. Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 2: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng băng tần; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng băng tần đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông. Trường hợp đang thực hiện thủ tục gia hạn, sửa đổi giấy phép viễn thông tương ứng, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp văn bản chứng minh việc đã nộp hồ sơ gia hạn, sửa đổi giấy phép viên thông và bổ sung thông tin về Giấy phép viễn thông tương ứng được cấp để hoàn thiện bản khai.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, doanh nghiệp mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, doah nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép. Trường hợp không kê khai sẽ mặc định lấy theo địa chỉ tại Điểm 1.5.

Điểm 1.5. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Ghi rõ sử dụng băng tần cho mục đích gì, ví dụ: cung cấp thông tin di động nội vùng,...

Điểm 3. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, cá nhân. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2019" (ghi theo ngày/tháng/năm).

Điểm 4. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 5. Đánh dấu (X) vào ô tương ứng đối với trường hợp cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, ngừng.

Điểm 6. Ghi phạm vi phủ sóng đề nghị cấp phép: tên các địa phương (tỉnh, thành phố) nằm trong vùng phủ sóng hoặc toàn quốc.

Điểm 7. Các thông số kỹ thuật chung:

7.1. Kê khai đoạn băng tần đề nghị cấp phép sử dụng.

7.2. Kê khai các công nghệ sử dụng ứng với đoạn băng tần. Ví dụ: WCDMA, GSM.... (trường hợp sử dụng đồng thời nhiều loại công nghệ trên cùng một băng tần thì kê khai hết các công nghệ mà doanh nghiệp đang sử dụng).

7.2.1. Kê khai tiêu chuẩn công nghệ sử dụng.

7.2.2, 7.2.3, 7.2.4. Kê khai phát xạ giả, phát xạ trong băng, phát xạ ngoài băng.

Điểm 8. Kê khai cấu hình mạng lưới.

Điểm 9. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Mẫu 3a

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI BỔ SUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH
(Đối với vệ tinh địa tĩnh)

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP				
1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
	Thời hạn sử dụng	từ ngày đến ngày		
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu	☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý		
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm):		Phường/xã:	
	Quận/huyện:		Tỉnh/thành phố:	
1.5. Địa chỉ trụ sở chính	Số nhà, đường phố (thôn xóm):		Phường/xã:	
	Quận/huyện:		Tỉnh/thành phố:	
1.6. Số FAX/số điện thoại		1.7. Người kê khai (số điện thoại cố đinh/di động/Email)		
2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	☐ Cấp mới ☐ Gia hạn ☐ Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số..... cấp ngày.....			
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	☐ Có ☐ Không			
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG				

5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP:.....
CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:
5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.
5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;
5.3. Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện
5.4. Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh.
5.5. Nộp phí, lệ phí theo các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có).
5.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức, doanh nghiệp)

PHỤ LỤC
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

I. Số liệu vệ tinh	
1. Tên vệ tinh (tên thương mại)	
2. Vị trí quỹ đạo	
3. Nhà sản xuất vệ tinh	
4. Khung vệ tinh	
5. Ngày phóng vệ tinh	
6. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh	

II. Băng tần

Băng tần	Dải tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ/ vùng dịch vụ
S					
C					
X					
Ku					
Ka					
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					

III. Tham số hoạt động của vệ tinh			
Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giản đồ ăng-ten,...) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh viễn Thông quốc tế (ITU) tại hồ sơ mạng vệ tinh của mục IV			
IV. Hồ sơ vệ tinh *(Vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)*			
	Hồ sơ 1	Hồ sơ 2	Hồ sơ 3
1. Hồ sơ vệ tinh với ITU *(Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU)*			
2. Số nhận dạng mạng vệ tinh			
3. Ví trí quỹ đạo			
▪ Độ lệch trái			
▪ Độ lệch phải			
▪ Độ lệch nghiêng			
4. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng			
5. Ngày xác định quyền ưu tiên			
6. Mã hồ sơ			
▪ API/A/			
▪ CR/C			
▪ RES49/			
▪ Part II-S			
V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép	☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 5 năm ☐ 10 năm Khác:.....		
VI. Điền vào khoảng trống các thông tin đề nghị, bổ sung			

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3a)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179; Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545; Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám - TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0292.3832760; Fax: 0292.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sở Dầu - Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3827857/Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0238. 3833511; Fax: 0238. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch - xã Vĩnh Thạnh - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567; Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu - TP. Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3a: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh địa tĩnh đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, doanh nghiệp mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Đánh dấu (X) vào các ô tương ứng với mục đích cấp mới, gia hạn, sửa đổi, bổ sung hoặc ngừng của bản khai.

Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác

I. Số liệu vệ tinh

1. Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.
2. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.
3. Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.
4. Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.

5. Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày tháng năm giờ phút.
6. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

II. Băng tần

- Băng tần: băng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần S, C, X, Ku, Ka.
- Dải tần số ấn định (MHz): Kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ: 3400-3700, 6425-6725.
- Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng.

Tuyến tính	Đứng	và/hoặc	Ngang
Tròn	Trái	và/hoặc	Phải

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.
- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

Băng tần	Dải tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ
Ku			12 01	36 54	

- Vùng phủ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần.

III. Tham số hoạt động của vệ tinh:

Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

IV. Hồ sơ vệ tinh

1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: Là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí

174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174^{E}.

2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.
3. Vị trí quỹ đạo: ghi rõ vị trí quỹ đạo của vệ tinh theo độ và theo hướng Đông/Tây.

- Độ lệch trái (theo độ): độ lệch về bên trái so với vị trí quỹ đạo.
- Độ lệch phải (theo độ):
- Độ lệch nghiêng (theo độ):

4. Ngày đưa vệ tinh vào sử dụng: Ghi theo ngày/tháng/năm
5. Ngày xác định quyền ưu tiên (Ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.
6. Mã hồ sơ đăng kí của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311)

V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép:

Đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2020" (ghi theo ngày/tháng/năm).

VI. Ghi các thông tin đề nghị, bổ sung (nếu có)

Mẫu 3b

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP, GIA HẠN, SỬA ĐỔI BỔ SUNG GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH
(Đối với vệ tinh phi địa tĩnh)

CHÚ Ý: 1. Đọc kỹ phần hướng dẫn trước khi điền vào bản khai.
2. Tổ chức, cá nhân chỉ được cấp phép sau khi đã nộp lệ phí cấp phép và phí sử dụng tần số theo quy định của pháp luật.

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. TÊN TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP				
1.1. Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
1.2. Giấy phép thiết lập mạng viễn thông	Số		Ngày cấp	
	Cơ quan cấp			
	Thời hạn sử dụng	từ ngày đến ngày		
1.3. Tài khoản	Số			
	Ngân hàng			
	Thanh toán phí, lệ phí qua Ngân hàng bằng Ủy nhiệm thu		☐ Đồng ý ☐ Không đồng ý	
1.4. Địa chỉ liên lạc	Số nhà, đường phố (thôn xóm):		Phường/xã:	
	Quận/huyện:		Tỉnh/thành phố:	
1.5. Địa chỉ trụ sở chính	Số nhà, đường phố (thôn xóm):		Phường/xã:	
	Quận/huyện:		Tỉnh/thành phố:	
1.6. Số FAX/số điện thoại		1.7. Người kê khai (số điện thoại cố đinh/di động/Email)		
2. MỤC ĐÍCH BẢN KHAI	☐ Cấp mới ☐ Gia hạn ☐ Bổ sung hoặc thay đổi cho giấy phép số..... cấp ngày.....			
3. LỰA CHỌN TRẢ PHÍ TOÀN BỘ	☐ Có ☐ Không			
4. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG				

5. TỔ CHỨC (CÁ NHÂN) ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP:.....
CAM KẾT CÁC ĐIỀU SAU ĐÂY:

5.1. Thiết bị vô tuyến điện phù hợp quy chuẩn kỹ thuật về phát xạ vô tuyến điện, an toàn bức xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ.
5.2. Thực hiện quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin;
5.3. Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện
5.4. Chấp hành các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh.
5.5. Nộp phí, lệ phí theo các quy định của Liên minh Viễn thông quốc tế liên quan tới sử dụng tần số/quỹ đạo vệ tinh cho tần số/quỹ đạo vệ tinh sử dụng (nếu có).
5.6. Kê khai đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm với bản khai; nộp phí, lệ phí theo quy định.

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức, doanh nghiệp)

PHỤ LỤC
THÔNG SỐ KỸ THUẬT, KHAI THÁC

I. Số liệu vệ tinh	
1. Tên vệ tinh (tên thương mại)	
2. Số mặt phẳng quỹ đạo	
3. Nhà sản xuất vệ tinh	
4. Khung vệ tinh	
5. Ngày phóng vệ tinh	
6. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh	

II. Băng tần

Băng tần	Dải tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ/vùng dịch vụ
L					
S					
C					
X					
Ku					
Ka					
Tổng số bộ phát đáp sử dụng					

III. Tham số hoạt động của vệ tinh

Tham số hoạt động của vệ tinh (vùng phủ, phát xạ, giản đồ ăng-ten,...) tuân theo giới hạn được đăng ký với Liên minh viễn thông quốc tế tại hồ sơ mạng vệ tinh của mục IV

IV. Hồ sơ vệ tinh
(vệ tinh có thể được đăng ký với ITU với nhiều bộ hồ sơ)

	Hồ sơ 1	Hồ sơ 2	Hồ sơ 3
1. Hồ sơ vệ tinh với ITU *(Tên mạng vệ tinh đăng ký với ITU)*			
2. Số nhận dạng mạng vệ tinh			
3. Số mặt phẳng quỹ đạo			

4. Vật thể tham chiếu							
5. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu							
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo:	Góc nghiêng	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này	Chu kỳ	Điểm Cực viễn (Km)	Điểm Cực cận (Km)		
6. Thống kê quỹ đạo có tần số tuân theo các điều khoản 9.11A, 9.12, 9.12A của Thể lệ vô tuyến thế giới							
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Góc nghiêng	Số vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo này					
7. Đối với vệ tinh hoạt động trong băng tần tuân theo điều khoản 22.5C, 22.5D, 22.5F							
Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo	Góc nghiêng						
8. Ngày xác định quyền ưu tiên							
9. Mã hồ sơ							
▪ API/A/							
▪ CR/C							
▪ RES49/							
▪ Part I-S							
▪ Part II-S							
▪ Part III-S							
10. Băng tần	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	Từ tần số (MHz)	Tới tần số (MHz)	
IV. THỜI HẠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP	☐ 1 năm ☐ 2 năm ☐ 5 năm ☐ 10 năm Khác:.....						
V. Điền vào khoảng trống các thông tin đề nghị, bổ sung (nếu có)							

HƯỚNG DẪN
KÊ KHAI LÀM THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ QUỸ ĐẠO VỆ TINH (MẪU 3b)

I/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHUNG:

- Tất cả các bản khai không đúng quy cách, mẫu mã, loại nghiệp vụ, kê khai không rõ ràng, đầy đủ sẽ phải yêu cầu làm lại hoặc bổ sung cho đầy đủ.
- Để trống những mục không phải điền.
- Không tẩy xóa các số liệu kê khai.
- Khi cần liên hệ trực tiếp với Cục Tần số vô tuyến điện theo địa chỉ:

Cục Tần số vô tuyến điện - Bộ Thông tin và Truyền thông,
115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 024.35564930

Hoặc các Trung tâm tần số vô tuyến điện khu vực thuộc Cục:

Khu vực 1: 115 Trần Duy Hưng - Hà Nội
Điện thoại: 024.35564919; Fax: 04.35564913

Khu vực 2: Lô 6 khu E - Khu đô thị mới An phú An Khánh - Phường An Phú - Quận 2 - TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại: 028.37404179; Fax: 028.37404966

Khu vực 3: Lô C1- Đường Bạch Đằng Đông - Khu dân cư An Trung - Quận Sơn Trà - TP. Đà Nẵng.
Điện thoại: 0236.3933545; Fax: 0236.3933707

Khu vực 4: 386 - Cách mạng Tháng Tám - TP. Cần Thơ
Điện thoại: 0292.3832760; Fax: 0292.3832760

Khu vực 5: 783 - Đại lộ Tôn Đức Thắng - Phường Sở Dầu - Quận Hồng bàng - TP. Hải Phòng
Điện thoại: 0225.3827857/Fax: 0225.3827420

Khu vực 6: Số 19 Đại lộ Lê Nin - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0238. 3833511; Fax: 0238. 3849518

Khu vực 7: Tổ 6 thôn Phú Trạch - xã Vĩnh Thạnh - thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.
Điện thoại: 0258.3892567; Fax: 0258.3824410.

Khu vực 8: Phường Dữu Lâu - TP. Việt Trì - tỉnh Phú Thọ.
Điện thoại: 0210.3840503/0210.3840507/ 0210.3840504 Fax: 0210. 3840504.

II/ PHẦN HƯỚNG DẪN CHI TIẾT:

Mẫu 3b: Được dùng để kê khai khi đề nghị cấp mới giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh; gia hạn (không thay đổi nội dung trong giấy phép); bổ sung, thay đổi một số nội dung trong giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh phi địa tĩnh đã được cấp.

Số: Kê khai số ký hiệu công văn của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1. Viết hoa tên hợp pháp của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép.

Điểm 1.1. Ghi theo Quyết định thành lập hoặc Mã số doanh nghiệp hoặc Mã số thuế hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, doanh nghiệp.

Điểm 1.2. Ghi theo Giấy phép viễn thông tương ứng theo quy định của pháp luật về viễn thông.

Điểm 1.3. Ghi số tài khoản của tổ chức, doanh nghiệp và ghi tên ngân hàng mà tổ chức, doanh nghiệp mở tài khoản. Đánh dấu "X" vào ô "Đồng ý" hoặc "Không đồng ý" nếu chấp thuận hoặc không chấp thuận việc chọn hình thức thanh toán phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép bằng Ủy nhiệm thu.

Điểm 1.4. Ghi địa chỉ liên lạc của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để liên lạc, giao, nhận giấy phép.

Điểm 1.5. Chỉ ghi khi địa chỉ này khác với địa chỉ liên lạc. Ghi địa chỉ đặt trụ sở của tổ chức, doanh nghiệp. Địa chỉ này được sử dụng để ghi trên hóa đơn thu phí sử dụng tần số.

Điểm 1.6. Ghi số fax/số điện thoại của tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp giấy phép (ghi cả mã vùng).

Điểm 1.7. Ghi họ tên của người kê khai (người trực tiếp liên lạc với Cục Tần số về các vấn đề liên quan đến cấp giấy phép), số điện thoại cố định/di động và địa chỉ email của người kê khai.

Điểm 2. Đánh dấu (X) vào các ô tương ứng với mục đích cấp mới, gia hạn, sửa đổi bổ sung của bản khai.

Điểm 3. Lựa chọn trả phí toàn bộ: Đánh dấu "X" vào ô "có" hoặc "không" nếu có/không lựa chọn trả phí cho toàn bộ thời hạn của giấy phép.

Điểm 4. Ghi các thông tin bổ sung (nếu có).

Phụ lục Thông số kỹ thuật, khai thác

I. Số liệu vệ tinh

1. Tên vệ tinh (tên thương mại): là tên thương mại của vệ tinh mà nhà cung cấp dung lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác, ví dụ: VINASAT-1.

2. Số mặt phẳng quỹ đạo: ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

3. Nhà sản xuất vệ tinh: tên nhà sản xuất vệ tinh, ví dụ: Lockheed Martin.

4. Khung vệ tinh: là tên khung vệ tinh mà quả vệ tinh được sản xuất, ví dụ: khung A2100 của LOCKHEED MARTIN.

5. Ngày phóng vệ tinh: ngày đưa vệ tinh vào quỹ đạo, ghi ngày tháng năm giờ phút.

6. Tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh: là tên tổ chức, doanh nghiệp sở hữu quả vệ tinh.

II. Băng tần

- Băng tần: băng tần sử dụng của vệ tinh, ví dụ: băng tần L, S, C, X, Ku, Ka.
- Dải tần số ấn định (MHz): Kê khai tần số đề nghị sử dụng từ tần số cao đến tần số thấp (đơn vị MHz), ví dụ:

3400-3700

6425-6725

- Phân cực: loại phân cực được vệ tinh sử dụng:

Tuyến tính	Đứng	và/hoặc	Ngang
Tròn	Trái	và/hoặc	Phải

- Số lượng bộ phát đáp: ghi rõ số lượng bộ phát đáp cho từng loại băng tần, ví dụ: dòng Ku, cột số lượng bộ phát đáp ghi 12, có nghĩa có 12 bộ băng tần Ku.
- Độ rộng băng thông của bộ phát đáp: độ rộng thực tế của các bộ phát đáp, ví dụ: 12 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng 36MHz, 01 bộ phát đáp băng Ku có độ rộng băng tần 54MHz thì ghi tương ứng 36MHz với 12 bộ phát đáp và ghi 54MHz với 01 bộ phát đáp.

Băng tần	Dải tần số ấn định (MHz)	Phân cực	Số lượng bộ phát đáp	Độ rộng băng thông bộ phát đáp (MHz)	Vùng phủ
Ku			12 01	36 54	

- Vùng phủ: bao gồm tên nước, khu vực tương ứng với vùng phủ của mỗi loại băng tần

III. Tham số hoạt động của vệ tinh:

Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

IV. Hồ sơ vệ tinh

1. Hồ sơ vệ tinh với ITU: Là tên của vệ tinh (satellite network) đã được đăng ký với ITU. Lưu ý là tên này thường khác với tên thương mại mà nhà cung cấp dung

lượng vệ tinh hay sử dụng khi làm việc với đối tác. Ví dụ: Vệ tinh ở vị trí 174°E của Intelsat có tên thương mại là IS802@174°E khác với tên đã đăng ký với ITU là INTELSAT8 174E.

2. Số nhận dạng mạng vệ tinh: ghi số hiệu của mạng vệ tinh đã được ITU công nhận, ví dụ: VINASAT-4A2 giai đoạn CR/C có số nhận dạng 101520356.

3. Số mặt phẳng quỹ đạo: Ghi rõ số lượng mặt phẳng quỹ đạo.

4. Vật thể tham chiếu: là trái đất, mặt trăng, mặt trời,...

5. Thông tin của mỗi mặt phẳng trong đó trái đất là vật thể tham chiếu bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mặt phẳng quỹ đạo, chu kỳ, độ cao điểm Cực viễn tính theo Km, độ cao điểm Cực cận tính theo Km cho mỗi hồ sơ.

6. Thống kê quỹ đạo có ấn số tuân theo các điều khoản 9.11A, 9.12, 9.12A của Thể lệ vô tuyến thế giới bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng, số lượng vệ tinh trong mỗi mặt phẳng quỹ đạo cho mỗi hồ sơ.

7. Đối với vệ tinh hoạt động trong băng tần tuân theo điều khoản 22.5C, 22.5D, 22.5F bao gồm các thông tin: Số thứ tự mặt phẳng quỹ đạo, góc nghiêng cho mỗi hồ sơ.

8. Ngày xác định quyền ưu tiên (Ghi theo ngày/tháng/năm): ghi ngày đăng ký bộ hồ sơ yêu cầu phối hợp gửi ITU và được ITU chấp thuận.

9. Mã hồ sơ đăng kí của vệ tinh: Ghi mã hồ sơ của vệ tinh được ITU ấn định (Ví dụ: Mã hồ sơ của vệ tinh Intelsat8 174E là: AR11/A/864; AR11/C/2311).

10. Băng tần: ghi rõ tần số theo đơn vị MHz.

V. Thời hạn đề nghị cấp giấy phép sử dụng tần số và quỹ đạo vệ tinh:

Thời hạn đề nghị cấp giấy phép: đánh dấu "X" vào ô thời gian tương ứng hoặc ghi thời hạn sử dụng cụ thể theo đề nghị của tổ chức, doanh nghiệp. Ví dụ: "3 năm 2 tháng" hoặc "từ ngày 27/02/2015 đến ngày 25/4/2020" (ghi theo ngày/tháng/năm).

VI. Ghi các thông tin đề nghị, bổ sung (nếu có)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /TT-BTTTT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Kính gửi: Cục Tần số Vô tuyến điện

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

2. Địa chỉ liên lạc:.....

3. Số điện thoại:..... Fax:.....

4. Số giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện:.....

Ngày cấp..... Ngày hết hạn.....

Căn cứ Thông tư số...../2021/TT-BTTTT ngày..... tháng..... năm..... của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện, đề nghị Cục Tần số vô tuyến điện cấp lại giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện số..... cho tổ chức, cá nhân.....

Tổ chức, cá nhân..... cam kết những điều khai trên là đúng sự thật./.

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(chữ ký, họ và tên của cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp lại giấy phép và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức, doanh nghiệp)

Phụ lục III

DANH MỤC CÁC THIẾT BỊ TRẠM GỐC VÔ TUYẾN ĐIỆN ĐƯỢC ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TRONG MẠNG THÔNG TIN VÔ TUYẾN ĐIỆN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Cục Tần số vô tuyến điện

1. Tên tổ chức:
2. Địa chỉ liên lạc:
   Số điện thoại:
   Số fax:
3. Danh mục các thiết bị trạm gốc vô tuyến điện đăng ký khai thác trong mạng thông tin vô tuyến điện

STT	Địa điểm đặt (Xã/phường, quận/huyện, tỉnh)	Mã trạm (hoặc mã sector)	Nhãn hiệu thiết bị	Dải tần số (MHz)	Số kênh tần số	Công suất cực đại (W)	Anten									Tên anten	Góc nghiêng
							Kiểu	Hướng tính (D hay ND)	Kích thước	Kinh độ	Vĩ độ	Độ cao so với mặt đất	Phân cực	Hệ số khuếch đại	Góc phương vị của hướng bức xạ chính		

Ghi chú: Thời gian chốt số liệu báo cáo tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo.

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức, doanh nghiệp)

Phụ lục IV

CÁC MẪU THÔNG BÁO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

STT	Thông báo
1	Thông báo về việc ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện
2	Thông báo về việc cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC NGỪNG SỬ DỤNG TẦN SỐ VÀ THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. Tên tổ chức, cá nhân:.....

2. Địa chỉ liên lạc:.....

3. Số điện thoại:..... Fax:.....

4. Số giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện:.....

Ngày cấp..... Ngày hết hạn.....

Do không còn nhu cầu sử dụng tần số, thiết bị vô tuyến điện, tổ chức, cá nhân..... thông báo ngừng giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện số..... kể từ ngày.....

Tổ chức, cá nhân..... cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này. /.

Làm tại,....., ngày..... tháng..... năm.....
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(chữ ký, họ và tên của cá nhân đề nghị ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện hoặc người có thẩm quyền đại diện cho tổ chức đề nghị ngừng sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện và đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

THÔNG BÁO
VỀ VIỆC CHO THUÊ, CHO MƯỢN THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

KÍNH GỬI: CỤC TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

1. Tên tổ chức, cá nhân cho thuê (cho mượn) thiết bị vô tuyến điện: .....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:..... Fax:.....

Số giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện:.....

2. Tên tổ chức, cá nhân thuê (mượn) thiết bị vô tuyến điện: .....

Địa chỉ liên lạc:.....

Số điện thoại:..... Fax:.....

3. Thực hiện cho thuê (cho mượn) thiết bị vô tuyến điện theo Hợp đồng cho thuê, cho mượn kèm theo thông báo này.

4. Bên cho thuê (cho mượn) và bên thuê (mượn) thiết bị vô tuyến điện cam kết:

- Thực hiện các quy định của giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện;

- Chấp hành các quy định của pháp luật về sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện, không gây nhiễu có hại và phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước về viễn thông và tần số vô tuyến điện;

- Đảm bảo an toàn mạng lưới, an ninh thông tin.

Làm tại....., ngày.... tháng..... năm.....
Xác nhận của tổ chức, cá nhân cho thuê
(cho mượn) thiết bị vô tuyến điện
(Chữ ký, họ và tên của người có thẩm quyền và
đóng dấu/chữ ký số của tổ chức)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng